

# **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 101

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ hai mươi chín (29) vào ngày 4 tháng 8 năm 2017 phê duyệt việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty thành 9.274.679.470 ngàn VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có chín (9) công ty con trực tiếp, hai mươi tám (28) công ty con gián tiếp và ba (3) công ty liên kết.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu và các loại cây ăn quả; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Bà Trương Thị Kim Ánh	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2017
Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng Ban	Từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên	

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Võ Trường Sơn.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, vào bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 60752790/19355658/FN-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 101 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đã ghi nhận khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú và các bên liên quan của công ty này với tổng giá trị là 10.570.063.864 ngàn VND (*Thuyết minh số 35.3*), khoản trả trước cho người bán trị giá 28.466.681 ngàn VND (*Thuyết minh số 7*), và khoản phải thu từ cho vay trị giá 47.219.823 ngàn VND (*Thuyết minh số 8*). Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khả năng thu hồi của tổng số dư 4.023.878.331 ngàn VND bao gồm trong các số dư trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nói trên hay không và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập với giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tài sản ngắn hạn là 3.563.293.646 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 24.3, 24.4 và 25.5 của báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1



Phạm Thị Cẩm Tú  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - TM số 39)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>8.815.052.625</b>	<b>9.169.689.773</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>5</b>	<b>141.473.491</b>	<b>794.326.175</b>
111	1. Tiền		141.473.491	794.326.175
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>7.481.808.506</b>	<b>6.711.353.686</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	2.166.131.406	1.771.473.430
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	611.144.225	1.308.328.374
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.969.777.546	2.017.828.375
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	756.477.238	1.642.846.329
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(21.721.909)	(29.122.822)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>1.118.852.515</b>	<b>1.613.111.552</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.126.498.195	1.798.236.495
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.645.680)	(185.124.943)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>72.918.113</b>	<b>50.898.360</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		31.853.662	13.002.488
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		35.050.293	26.836.701
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	6.014.158	11.059.171
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>44.247.075.031</b>	<b>42.956.022.257</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>8.887.895.570</b>	<b>6.383.631.255</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		477.204	-
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	8	7.951.978.808	5.717.370.743
216	3. Phải thu dài hạn khác	9	935.439.558	666.260.512
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>9.921.066.056</b>	<b>9.757.655.761</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	8.590.084.812	8.441.226.254
222	Nguyên giá		10.017.277.001	9.883.440.790
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.427.192.189)	(1.442.214.536)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.330.981.244	1.316.429.507
228	Nguyên giá		1.422.035.740	1.392.958.402
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(91.054.496)	(76.528.895)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>3.210.064.249</b>	<b>3.388.789.649</b>
231	1. Nguyên giá		3.398.052.191	3.444.751.095
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(187.987.942)	(55.961.446)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>17.750.120.892</b>	<b>17.993.738.827</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	17.750.120.892	17.993.738.827
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>857.860.420</b>	<b>877.887.933</b>
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết	16	847.332.517	865.766.030
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		10.507.903	12.101.903
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000	20.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.620.067.844</b>	<b>4.554.318.832</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	976.304.493	1.422.291.005
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.4	105.125.055	91.119.227
269	3. Lợi thế thương mại	18	2.538.638.296	3.040.908.600
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>53.062.127.656</b>	<b>52.125.712.030</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - TM số 39)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>35.274.154.978</b>	<b>36.180.037.541</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>12.378.346.271</b>	<b>13.138.781.794</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	970.327.536	1.420.669.960
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	3.595.954.762	3.340.807.648
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	198.214.334	195.651.423
314	4. Phải trả người lao động		83.448.891	72.595.105
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	1.231.386.531	1.146.183.578
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	25	13.984.482	6.760.210
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	3.755.607.293	1.234.592.114
320	8. Vay ngắn hạn	24	2.528.863.856	5.717.296.133
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		558.586	4.225.623
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>22.895.808.707</b>	<b>23.041.255.747</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	22	987.071.192	4.222.541
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	1.269.645.155	1.011.940.829
338	3. Vay dài hạn	24	20.296.209.849	21.619.446.267
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.4	336.941.517	393.175.717
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.940.994	12.470.393
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>17.787.972.678</b>	<b>15.945.674.489</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>17.787.972.678</b>	<b>15.945.674.489</b>
411	1. Vốn cổ phần	26.1	9.274.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	26.1	3.263.858.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ	26.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.1	453.812.960	625.918.808
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	26.1	279.895.303	279.895.303
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.1	702.809.115	952.700.191
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		633.221.103	2.522.645.369
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế) trong năm		69.588.012	(1.569.945.178)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	3.813.603.686	2.649.088.573
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>53.062.127.656</b>	<b>52.125.712.030</b>



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Dương Hoàng Bắc  
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - TM số 39)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	4.841.225.074	6.712.718.981
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29.1	-	(1.249.713)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	4.841.225.074	6.711.469.268
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30	(3.109.682.997)	(5.973.754.974)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.731.542.077	737.714.294
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	1.665.916.448	957.631.502
22	7. Chi phí tài chính	31	(1.697.932.438)	(1.734.602.467)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.585.315.746)	(1.628.401.688)
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết		(18.433.513)	11.710.281
25	9. Chi phí bán hàng	32	(143.923.122)	(169.706.228)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(707.548.329)	(511.270.660)
30	11. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		829.621.123	(708.523.278)
31	12. Thu nhập khác	33	267.202.683	176.256.524
32	13. Chi phí khác	33	(666.678.513)	(1.447.929.479)
40	14. Lỗ khác	33	(399.475.830)	(1.271.672.955)
50	15. Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		430.145.293	(1.980.196.233)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(24.802.221)	(10.311.463)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	34.4	(33.735.757)	(192.158.364)
60	18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		371.607.315	(2.182.666.060)
61	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của công ty mẹ		69.588.012	(1.569.945.178)
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		302.019.303	(612.720.882)
70	21. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	28	80	(1.988)
71	22. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND)	28	80	(1.988)

  
Nguyễn Văn Tiên  
Người lập

  
Dương Hoàng Bắc  
Kế toán trưởng

  
Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - TM số 39)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>		<b>430.145.293</b>	<b>(1.980.196.233)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		1.054.629.884	805.728.354
03	Dự phòng		28.441.450	205.065.534
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		60.022.958	27.105.005
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.737.550.408)	(845.866.506)
06	Chi phí lãi vay	31	1.585.315.746	1.628.401.688
08	<b>Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.421.004.923</b>	<b>(159.762.158)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		515.795.384	463.382.177
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(211.051.664)	1.354.468.414
11	Tăng các khoản phải trả		775.769.299	1.216.069.065
12	Tăng chi phí trả trước		(767.137.982)	(50.733.425)
14	Tiền lãi vay đã trả		(714.949.467)	(1.446.403.400)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	34.1	(4.591.515)	(25.424.754)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(316.303)	(56.558)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.014.522.675</b>	<b>1.351.539.361</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(1.454.631.442)	(3.724.881.636)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		475.594.760	1.711.425.751
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(7.208.649.956)	(3.334.952.393)
24	Tiền thu hồi cho vay		2.988.905.798	4.404.445.889
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		-	(4.604.707.935)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		1.517.118.217	2.018.359.523
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.119.834.929	354.720.632
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.561.827.694)</b>	<b>(3.175.590.169)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - TM số 39)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	27	2.450.000	2.792.000.000
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(313.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		4.119.461.254	5.534.265.439
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.055.353.071)	(6.433.696.706)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.066.558.183	1.579.568.733
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(480.746.836)	(244.482.075)
60	Tiền đầu năm		794.326.175	967.966.695
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(172.105.848)	70.841.555
70	Tiền cuối năm	5	141.473.491	794.326.175



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Dương Hoàng Bắc  
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và và theo GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ hai mươi chín (29) vào ngày 4 tháng 8 năm 2017 phê duyệt việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty thành 9.274.679.470 ngàn VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có chín (9) công ty con trực tiếp, hai mươi tám (28) công ty con gián tiếp và ba (3) công ty liên kết với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
<b>Lĩnh vực bất động sản</b>			
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN")	TP. HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	68,90
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar ("HAGL Myanmar")	TP. Yangon, Myanmar	Đang hoạt động	68,90
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok (i)	TP. Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	32,38
<b>Lĩnh vực thủy điện</b>			
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai ("DHA")	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,40
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu ("NK2")	Viên Chăn, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3 ("NK3")	Tỉnh Attapeu, Lào	Chờ thanh lý	99,40
<b>Lĩnh vực nông nghiệp</b>			
(7) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (ii)	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	65,85
(8) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	65,85
(9) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	64,38
(10) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	64,38
(11) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	65,54

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
<b>Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)</b>			
(12) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA")	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	65,85
(13) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	64,38
(14) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	65,85
(15) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	65,85
(16) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	65,85
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh Ratanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	65,85
(18) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	65,20
(19) Công ty Cổ phần An Đông Mia (i)	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	45,77
(20) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat (i)	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	45,77
(21) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	65,66
(22) Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	65,66
(23) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	TP.HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	65,85
(24) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	TP.HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	65,85
(25) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	65,85
(26) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	65,85
(27) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	65,85
(28) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	65,80

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
<b>Lĩnh vực khai khoáng</b>			
(29) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(30) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kon Tum	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(31) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	99,40
<b>Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</b>			
(32) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,85
(33) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(34) Công ty TNHH V&H Corporation	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(35) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	80,00
(36) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(37) Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	TP. HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	51,00

- (i) Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.
- (ii) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HNG và chính thức được giao dịch từ ngày 20 tháng 7 năm 2015.

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu và các loại cây ăn quả; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.247 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.529).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Giá định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Tập đoàn vượt quá tài sản ngắn hạn là 3.563.293.646 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 24.3, 24.4 và 25.5 của báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, tái cơ cấu một số khoản nợ và làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã vi phạm của các hợp đồng vay và thế chấp có liên quan. Theo đó, Ban Giám đốc Tập đoàn vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND").

**2.6 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát công ty con nhưng công ty con đang trong quá trình chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn vẫn hợp nhất báo cáo tài chính vào ngày mất quyền kiểm soát và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.12*). Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp giá mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

##### *Doanh thu cho thuê tài sản dài hạn*

Công ty thay đổi chính sách kế toán từ việc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản dài hạn đã được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê trong các năm trước sang việc ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC:

- ▶ Thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản;
- ▶ Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- ▶ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- ▶ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- ▶ Tập đoàn phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

#### 3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |  |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang    | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

##### *Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Quyền sử dụng đất**

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.7 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 10 năm
Vật nuôi	6 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

*Vườn cây cao su và tiêu*

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su và tiêu lần lượt là 7 năm và 3 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây cao su và tiêu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

*Vườn cây thanh long*

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây thanh long là 8 đến 9 tháng tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây thanh long đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao (tiếp theo)**

*Vườn cọ dầu*

Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Tập đoàn được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 8/2017, Ban Giám đốc Công ty ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cọ dầu là 6 năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Tập đoàn tại Campuchia và Lào. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây cọ dầu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

*Khấu hao các vườn cây*

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Khấu hao đối với vườn cây thanh long và tiêu được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây thanh long và tiêu theo chu kỳ khai thác.

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)		
	Vườn cây Cao su	Vườn cây Thanh long	Vườn cây Tiêu
Năm thứ 1	2,50	1,0	4,6
Năm thứ 2	2,80	3,4	8,5
Năm thứ 3	3,50	5,0	8,5
Năm thứ 4	4,40	6,7	8,5
Năm thứ 5	4,80	8,4	8,5
Năm thứ 6	5,40	8,4	8,5
Năm thứ 7	5,40	8,4	6,2
Năm thứ 8	5,10	8,4	6,2
Năm thứ 9	5,10	8,4	6,2
Năm thứ 10	5,00	8,4	3,8
Năm thứ 11	7,00	6,7	3,8
Năm thứ 12	6,60	6,7	3,8
Năm thứ 13	6,20	6,7	3,8
Năm thứ 14	5,90	6,7	3,8
Năm thứ 15	5,50	Giá trị còn lại	3,8
Năm thứ 16	5,40		3,8
Năm thứ 17	5,00		3,8
Năm thứ 18	5,50		Giá trị còn lại
Năm thứ 19	5,20		
Năm thứ 20	Giá trị còn lại		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 30 năm
Trung tâm thương mại	50 năm
Văn phòng cho thuê	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán bất động sản với giá trị còn lại của nó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây và công trình thủy điện của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

*Vườn cây*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu và vườn cây ăn quả như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

*Dự án bò*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

*Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar*

Bao gồm chi phí xây dựng và vận hành dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar tại số 192, Đường Kaba Aye Pagoda, Thị trấn Bahan, Thành phố Yangon, Myanmar, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Thành lập số 248DC/2012-2013 ngày 6 tháng 12 năm 2012 cấp bởi Bộ Phát triển Kinh tế và Kế hoạch Quốc gia Myanmar. Đây là dự án xây dựng và vận hành khu Khách sạn, Trung tâm thương mại, Tòa nhà văn phòng và Căn hộ cho thuê tại Myanmar trên diện tích đất 73.358 m<sup>2</sup>.

*Công trình thủy điện*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đền bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

**3.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**3.12 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn mía, vườn bắp, vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang và trồng cỏ, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang và trồng cỏ bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí phát triển cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL-JMG"). Chi phí phát triển cầu thủ được phân bổ trong vòng từ 7 đến 10 năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL-JMG với các cầu thủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán năm, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư vào đơn vị khác*

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.16 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu**

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.20 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.21 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

*Doanh thu bán căn hộ*

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu từ hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

*Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư*

Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

**3.22 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.22 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.23 Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

**3.24 Dự phòng**

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.25 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**3.26 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

**4.1 Hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (“Nhóm Công ty Mía đường”)**

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, công ty con trong Tập đoàn, Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Nhóm Công ty Mía đường với tổng giá bán là 1.330.000.000 ngàn VND cho các đối tác. Theo đó, số tiền lãi 699.085.038 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. (Thuyết minh (“TM”) số 29.2)

Ban Giám đốc đã tiến hành điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 do ảnh hưởng của nghiệp vụ này như được trình bày tại TM số 39.

**4.2 Thực hiện hoán đổi Trái phiếu Hoán đổi sang cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - HNG**

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị vào ngày 20 tháng 2 năm 2017 và các Thỏa thuận hoán đổi có liên quan, lần lượt vào ngày 4 tháng 5 năm 2017 và 20 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã hoàn thành việc hoán đổi các nghĩa vụ nợ của Trái phiếu Hoán đổi, được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn với số lượng cổ phiếu hoán đổi là 43.300.000 cổ phiếu HNG, tại giá thực hiện là 10.000 VND/cổ phiếu. (TM số 24.6)

Việc hoán đổi này đã làm giảm 5,64% tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG tại ngày này. Chênh lệch giữa giá hoán đổi và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của HNG và các công ty con của HNG vào ngày giao dịch là 217.094.836 ngàn VND đã được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**4.3 Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê**

Vào ngày 1 tháng 6 năm 2017, công ty con trong Tập đoàn, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk đã chuyển nhượng toàn bộ 99,92% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê với tổng giá bán là 130.000.000 ngàn VND cho một cá nhân bên liên quan. Theo đó, số tiền lãi 107.418.184 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. (TM số 29.2)

**5. TIỀN**

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)
Tiền mặt tại quỹ	17.195.074	24.644.485
Tiền gửi ngân hàng	124.278.417	769.681.690
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>141.473.491</b>	<b>794.326.175</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.145.033.158	815.165.269
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	857.261.771	821.662.397
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay</i>	<i>737.569.190</i>	<i>727.713.177</i>
<i>Phải thu từ các khách hàng khác</i>	<i>119.692.581</i>	<i>93.949.220</i>
Phải thu về thanh lý tài sản, bất động sản đầu tư và chuyển nhượng dự án	147.652.615	116.853.085
Phải thu tiền bán căn hộ	16.183.862	17.792.679
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.166.131.406</b>	<b>1.771.473.430</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>1.524.457.388</i>	<i>1.305.271.554</i>
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 35.2)</i>	<i>641.674.018</i>	<i>466.201.876</i>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu kỳ	29.122.822	10.089.849
(Hoàn nhập) tăng dự phòng lập trong năm	(7.400.913)	19.032.973
Số cuối kỳ	<b>21.721.909</b>	<b>29.122.822</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	535.943.781	1.085.474.890
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị (*)	71.917.466	217.804.106
Trả trước cho người bán khác	3.282.978	5.049.378
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>611.144.225</b>	<b>1.308.328.374</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước các bên liên quan (TM số 35.2)</i>	<i>412.870.972</i>	<i>731.281.859</i>
<i>Trả trước các bên khác</i>	<i>198.273.253</i>	<i>577.046.515</i>

(\*) Bao gồm trong số dư này là một khoản ứng trước cho một số cá nhân nhà thầu liên quan đến các dự án thủy điện với tổng giá trị 28.466.681 ngàn VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

		Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)
<b>Ngắn hạn</b>			
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 35.2)	(i)	3.754.961.320	1.976.619.350
Cho vay ngắn hạn các bên khác	(ii)	214.816.226	41.209.025
		<b>3.969.777.546</b>	<b>2.017.828.375</b>
<b>Dài hạn</b>			
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 35.2)	(i)	7.512.960.946	5.187.885.336
Cho vay dài hạn các bên khác (*)	(ii)	269.428.797	359.484.809
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu	(iii)	169.589.065	170.000.598
		<b>7.951.978.808</b>	<b>5.717.370.743</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>11.921.756.354</b>	<b>7.735.199.118</b>

(\*) Bao gồm trong số dư này là một khoản phải thu trị giá 47.219.823 ngàn VND liên quan đến dự án nông nghiệp.

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan có thời hạn hoàn trả từ năm 2018 đến năm 2022 và lãi suất trung bình từ 6% đến 15%/năm.

(ii) Cho vay dài hạn và ngắn hạn các bên khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ năm 2018 đến năm 2023 với lãi suất trung bình từ 10% đến 15,1%/năm, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Công ty TNHH Điện Quang Trung	168.015.082	110.000.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki	141.465.392	135.441.322
Khác	174.764.549	155.252.512
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>484.245.023</b>	<b>400.693.834</b>

(iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cản trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ gốc (USD)</b>	<b>7.482.421</b>	<b>7.482.421</b>
<b>Nợ gốc (Ngàn VND)</b>	<b>169.589.065</b>	<b>170.000.598</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số đầu năm</i> <i>(Trình bày lại –</i> <i>TM số 39)</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>756.477.238</b>	<b>1.642.846.329</b>
Lãi cho vay các công ty	496.345.797	1.210.375.522
Tạm ứng cho nhân viên	96.402.593	51.578.038
Cho mượn các công ty	51.053.406	165.850.541
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	42.532.151	44.289.460
Lãi cho vay nhân viên	33.998	22.194.946
Phải thu ngắn hạn khác	70.109.293	148.557.822
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 35.2)</i>	<i>558.864.605</i>	<i>1.392.419.329</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>197.612.633</i>	<i>250.427.000</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>935.439.558</b>	<b>666.260.512</b>
Lãi cho vay các công ty	548.843.689	114.328.180
Cho mượn các công ty	248.004.789	397.983.108
Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	125.750.981	132.347.166
Các khoản ký quỹ dài hạn	12.838.699	20.931.632
Phải thu dài hạn khác	1.400	670.426
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 35.2)</i>	<i>890.477.069</i>	<i>588.990.280</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>44.962.489</i>	<i>77.270.232</i>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.691.916.796</u></b>	<b><u>2.309.106.841</u></b>

(\*) Khoản này bao gồm:

- Khoản 101.100.000 ngàn VND nhận từ Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên ("CSTN") – công ty con trong Tập đoàn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa CSTN và Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai, Công ty liên kết, để đầu tư vào dự án Chăn nuôi và Phát triển đàn bò sinh sản, bò thịt với tổng giá trị dự án là 1.499.451.326 ngàn VND trong thời hạn 5 năm (từ ngày 20 tháng 5 năm 2016 đến ngày 20 tháng 5 năm 2021). Lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên; và
- Khoản 24.650.981 ngàn VND nhận từ Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên ("BSTN") liên quan tới mảng dự án trồng chanh dây, thanh long và măng trồng cỏ, chăn nuôi bò tại Gia Lai, theo hợp đồng số 01/HTKD/BSTN-CNGL ngày 11 tháng 11 năm 2016 và các phụ lục thay đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	837.389.494	1.257.917.720
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hoạt động xây dựng (i)</i>	610.961.724	601.329.775
<i>Chi phí nuôi bò thịt (ii)</i>	111.197.997	419.894.535
<i>Hoạt động sản xuất</i>	111.137.954	235.904.225
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	4.091.819	789.185
Nguyên vật liệu	134.446.820	175.173.958
Cần hộ sẵn sàng để bán (iii)	76.898.171	134.333.625
Hàng hóa	40.553.412	9.573.753
Thành phẩm	15.814.079	135.842.633
Vật liệu xây dựng	13.440.800	15.206.574
Công cụ, dụng cụ	7.955.419	70.188.232
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.126.498.195</b>	<b>1.798.236.495</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.645.680)	(185.124.943)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.118.852.515</b>	<b>1.613.111.552</b>

(i) Trong đó chủ yếu thể hiện khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhong tại tỉnh Hua Phan, Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào theo hợp đồng xây dựng số No.LAO - NKP01, ngày 15 tháng 6 năm 2013 với tổng giá trị nghiệm thu cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 25.584.644 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 25.584.644 USD). Theo biên bản làm việc số 27610/GTVT ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa đại diện chủ đầu tư là Cục hàng không dân dụng chính phủ Lào, đại diện Công ty Tư vấn Giám sát dự án và Tập đoàn, dự án đã được gia hạn thời gian thực hiện đến hết tháng 6 năm 2019.

(ii) Tất cả bò thịt đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

(iii) Các cần hộ sẵn sàng để bán đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

							Ngàn VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)	3.427.810.021	1.656.757.830	2.123.690.971	11.265.263	2.607.178.670	56.738.035	9.883.440.790
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	119.095.613	12.074.696	250.388.417	-	2.207.796.264	1.676.844	2.591.031.834
Mua trong năm	45.747.489	68.410.490	46.458.068	73.779	150.477.009	297.000	311.463.835
Chênh lệch tỷ giá	(9.338.879)	(9.286.344)	(12.641.606)	3.287	5.424.795	(16.850)	(25.855.597)
Thanh lý	(48.331.406)	(2.619.112)	(5.801.510)	(126.082)	(466.367.877)	(386.600)	(523.632.587)
Thanh lý công ty con	(859.197.752)	(1.159.457.813)	(194.728.489)	(205.802)	-	(5.581.418)	(2.219.171.274)
Số cuối năm	2.675.785.086	565.879.747	2.207.365.851	11.010.445	4.504.508.861	52.727.011	10.017.277.001
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>							
Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)	(376.934.263)	(472.641.171)	(315.295.280)	(6.840.776)	(248.407.022)	(22.096.024)	(1.442.214.536)
Khấu hao trong năm	(150.734.792)	(97.251.042)	(171.983.027)	(1.358.982)	(212.823.215)	(6.486.524)	(640.637.582)
Thanh lý	11.178.600	592.837	2.267.987	11.950	129.412.645	360.290	143.824.309
Thanh lý công ty con	146.696.388	304.811.314	55.689.831	178.284	-	1.433.654	508.809.471
Chênh lệch tỷ giá	857.213	2.410.190	327.556	(10.099)	(561.267)	2.556	3.026.149
Số cuối năm	(368.936.854)	(262.077.872)	(428.992.933)	(8.019.623)	(332.378.859)	(26.786.048)	(1.427.192.189)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số đầu năm	3.050.875.758	1.184.116.659	1.808.395.691	4.424.487	2.358.771.648	34.642.011	8.441.226.254
Số cuối năm	2.306.848.232	303.801.875	1.778.372.918	2.990.822	4.172.130.002	25.940.963	8.590.084.812
<i>Trong đó:</i>							
Tài sản sử dụng để cầm cố /thế chấp các khoản vay (TM số 24)	2.306.848.232	303.801.875	1.778.372.918	-	4.172.130.002	25.940.963	8.587.093.990
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết	14.403.136	33.430.654	36.452.335	2.825.996	6.722.158	-	93.834.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đã sử dụng giá trị Khách sạn Hoàng Anh Attapeu, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, công ty con trong Tập đoàn, để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty TNHH Mía đường Thành Thành Công Attapeu, bên thứ ba. Chi tiết như sau:

				Ngàn VND
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Tài sản khác	Tổng cộng
Số cuối năm	52.189.100	705.440	2.070.889	54.965.429

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

				Ngàn VND
	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính		Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)	1.258.673.221	134.285.181		1.392.958.402
Chênh lệch tỷ giá	33.227.617	-		33.227.617
Thanh lý	(4.150.279)	-		(4.150.279)
Số cuối năm	1.287.750.559	134.285.181		1.422.035.740
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)	(24.556.214)	(51.972.681)		(76.528.895)
Hao mòn trong năm	(16.078.867)	(16.452.692)		(32.531.559)
Chênh lệch tỷ giá	17.830.056	-		17.830.056
Thanh lý	175.902	-		175.902
Số cuối năm	(22.629.123)	(68.425.373)		(91.054.496)
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)	1.234.117.007	82.312.500		1.316.429.507
Số cuối năm	1.265.121.436	65.859.808		1.330.981.244
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản sử dụng để cầm cố /thế chấp các khoản vay (TM số 24)	1.265.121.436	-		1.265.121.436
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết	-	3.083.700		3.083.700

(\*) Khoản này chủ yếu thể hiện giá trị quyền sử dụng đất trả trước của dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Văn phòng cho thuê	Trung tâm thương mại	Ngàn VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)	22.072.022	19.597.252	2.264.238.799	1.138.843.022	3.444.751.095
Chênh lệch tỷ giá	5.000.000	-	(5.528.184)	(2.709.909)	(3.238.093)
Thanh lý trong năm	-	(2.038.848)	(35.885.446)	(5.536.517)	(43.460.811)
Số cuối năm	<u>27.072.022</u>	<u>17.558.404</u>	<u>2.222.825.169</u>	<u>1.130.596.596</u>	<u>3.398.052.191</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)	(739.395)	(3.033.441)	(29.672.485)	(22.516.125)	(55.961.446)
Khấu hao trong năm	(739.393)	(629.653)	(84.865.648)	(50.778.717)	(137.013.411)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	73.233	53.101	126.334
Thanh lý trong năm	-	596.495	2.825.272	1.438.814	4.860.581
Số cuối năm	<u>(1.478.788)</u>	<u>(3.066.599)</u>	<u>(111.639.628)</u>	<u>(71.802.927)</u>	<u>(187.987.942)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)	<u>21.332.627</u>	<u>16.563.811</u>	<u>2.234.566.314</u>	<u>1.116.326.897</u>	<u>3.388.789.649</u>
Số cuối năm	<u>25.593.234</u>	<u>14.491.805</u>	<u>2.111.185.541</u>	<u>1.058.793.669</u>	<u>3.210.064.249</u>
Trong đó: Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp các khoản vay (TM số 24)	25.593.234	14.491.805	2.111.185.541	1.058.793.669	3.210.064.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	792.036.808	460.341.756
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	392.003.742	151.874.795

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)
Chi phí phát triển vườn cây cao su	7.960.502.432	9.412.151.145
Nhà máy thủy điện (*)	3.385.682.060	3.435.534.450
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu	3.348.265.882	3.243.680.311
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	1.703.067.342	638.772.312
Nhà xưởng và nhà máy nông trường	687.226.986	694.595.616
Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	351.086.244	307.993.752
Chi phí phát triển vườn tiêu	114.959.517	119.602.634
Học viện bóng đá HAGL - Arsenal JMG	53.432.133	39.910.578
Chi phí xây dựng chuồng bò	6.617.792	4.726.452
Khác	139.280.504	96.771.577
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.750.120.892</b>	<b>17.993.738.827</b>

Vườn cây cao su, cây cọ dầu, Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar, nhà máy thủy điện, vườn tiêu, chi phí dự án bò, vườn cây ăn quả và các công trình khác đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

(\*) Các dự án thủy điện trị giá 3.385.682.060 ngàn VND đã được ký kết hợp đồng mua bán với Chaleun Sekong Group ("CSG") vào năm 2016 và 2018. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Tập đoàn đã nhận được một khoản tiền ứng trước từ đối tác này (TM số 20).

**15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay trị giá 689.985.580 ngàn VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 929.048.293 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các tài sản cố định, công trình thủy điện, cao su, cọ dầu và các dự án khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("CNGL") (*)	Chăn nuôi và cây ăn quả	23,46	573.944.413	23,46	599.017.484
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (**)	Trồng cây cao su	49,14	265.778.583	49,14	259.139.025
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	7.609.521	25,00	7.609.521
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>847.332.517</b>		<b>865.766.030</b>

Theo tỷ lệ sở hữu của công ty con trong Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào các công ty này.

(\*) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("CNGL") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900988952, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 3 tháng 6 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính của CNGL là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt, bò sữa và cây ăn quả.

(\*\*) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3503000155 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp vào ngày 14 tháng 9 năm 2007 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của Bidiphar là trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Ngàn VND
	<b>Tổng cộng</b>
<b>Giá gốc đầu tư</b>	
Số đầu năm và cuối năm	<u>856.553.911</u>
<b>Phần lợi nhuận lũy kế sau khi đầu tư</b>	
Số đầu năm	9.212.119
Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm	(16.336.454)
Lợi nhuận chưa thực hiện được trừ	<u>(2.097.059)</u>
Số cuối năm	<u>(9.221.394)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	<u>865.766.030</u>
Số cuối năm	<u>847.332.517</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số đầu năm</i> <i>(Trình bày lại –</i> <i>TM số 39)</i>
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	338.141.701	181.146.502
Chi phí hoạt động trả trước của dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	326.864.840	352.650.382
Chi phí khai hoang	119.745.845	109.762.962
Tiền thuê đất	77.325.774	73.795.185
Chi phí đào tạo học viện bóng đá HAGL - JMG	36.580.897	57.955.720
Chi phí thuê văn phòng	24.595.489	25.358.651
Công cụ, dụng cụ	17.902.929	26.054.782
Chi phí phát triển vườn mía	-	551.664.813
Chi phí trả trước dài hạn khác	35.147.018	43.902.008
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>976.304.493</u></b>	<b><u>1.422.291.005</u></b>

**18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<i>Ngàn VND</i> <i>Giá trị</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	3.196.140.816
Giảm trong năm do thanh lý một phần sở hữu vào công ty con	<u>(182.672.265)</u>
Số cuối năm	<u>3.013.468.551</u>
<b>Giá trị phân bổ lũy kế</b>	
Số đầu năm	(155.232.216)
Phân bổ trong năm	<u>(319.598.039)</u>
Số cuối năm	<u>(474.830.255)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	<u>3.040.908.600</u>
Số cuối năm	<u>2.538.638.296</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	581.265.959	509.399.199
Phải trả nhà thầu xây dựng	386.759.864	446.817.869
Phải trả tiền sử dụng đất	-	451.447.328
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	812.872	5.256.463
Phải trả người bán khác	1.488.841	7.749.101
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>970.327.536</b>	<b>1.420.669.960</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả người bán khác</i>	691.265.856	1.355.646.448
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 35.2)</i>	279.061.680	65.023.512

**20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)
Chaleun Sekong Group ("CSG") ứng tiền trước mua cổ phần công ty con (TM số 14)	1.937.491.633	1.937.491.633
Khách hàng thương mại trả tiền trước	833.295.060	689.882.905
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Chăn nuôi Bình Hà</i>	103.163.300	103.163.300
<i>Các khách hàng khác</i>	730.131.760	586.719.605
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước (i)	630.303.525	519.716.566
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	194.864.544	193.716.544
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.595.954.762</b>	<b>3.340.807.648</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các khách hàng khác</i>	3.271.850.770	3.122.672.544
<i>Các bên liên quan (TM số 35.2)</i>	324.103.992	218.135.104

(i) Khoản nhận tiền ứng trước từ khách hàng mua căn hộ tại dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Ngàn VND Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 34.1)	1.519.411	16.311	-	1.535.722
Thuế khác	9.539.760	4.159.995	(9.221.319)	4.478.436
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.059.171</b>	<b>4.176.306</b>	<b>(9.221.319)</b>	<b>6.014.158</b>
<b>Phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	101.633.401	116.506.655	(182.888.068)	35.251.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 34.1)	64.559.662	24.457.808	(4.655.665)	84.361.805
Thuế thu nhập cá nhân	13.038.425	17.570.045	(18.983.147)	11.625.323
Thuế khác	16.419.935	98.085.226	(47.529.943)	66.975.218
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>195.651.423</b>	<b>256.619.734</b>	<b>(254.056.823)</b>	<b>198.214.334</b>

**22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)
Chi phí lãi vay	1.404.781.766	730.609.649
Chi phí phát hành trái phiếu	43.414.660	54.980.000
Chi phí hoạt động	770.261.297	364.816.470
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.218.457.723</b>	<b>1.150.406.119</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngắn hạn</i>	1.231.386.531	1.146.183.578
<i>Dài hạn</i>	987.071.192	4.222.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.755.607.293</b>	<b>1.234.592.114</b>
Phải trả tiền mượn các công ty	472.979.606	631.779.529
Nhận vốn góp từ các cổ đông thiểu số (*)	1.197.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	500.000.000	-
- Ông Nguyễn Thanh Quang	232.335.000	-
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	232.330.000	-
- Bà Vũ Thị Thủy Hương	232.335.000	-
Phải trả Hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	1.282.500.000	-
Phải trả lãi vay	397.103.920	231.986.313
Phải trả tiền thuê đất	133.957.484	29.593.804
Phải trả các cá nhân khác	109.720.058	134.750.145
Phí bảo trì căn hộ	24.585.898	24.952.942
Các khoản khác	137.760.327	181.529.381
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả ngắn hạn các bên khác	1.610.676.774	794.821.784
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 35.2)	2.144.930.519	439.770.330
<b>Dài hạn</b>	<b>1.269.645.155</b>	<b>1.011.940.829</b>
Phải trả Hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	550.000.000	550.000.000
Phải trả lãi vay	332.106.423	32.688.527
Nhận ký quỹ dài hạn (iii)	235.056.332	225.056.393
Tiền thuê đất phải trả	135.669.657	202.945.354
Các khoản khác	16.812.743	1.250.555
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả dài hạn các bên khác	719.567.589	461.940.829
Phải trả dài hạn các bên liên quan (TM số 35.2)	550.077.566	550.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.025.252.448</b>	<b>2.246.532.943</b>

(\*) Theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông của HNG số 1909/17/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 19 tháng 9 năm 2017, HNG đã phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ vay thành vốn cổ phần với giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Việc chào bán đã được hoàn thành vào ngày 9 tháng 3 năm 2018 (TM số 40).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)**

- (i) Thể hiện các hợp đồng BCC được ký kết ngày 1 tháng 9 năm 2017 với các cá nhân (bên liên quan) về việc hợp tác đầu tư vào các dự án trồng cây ăn trái của Tập đoàn. Các BCC không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án với thời hạn hợp tác là 1 năm kể từ ngày hợp đồng (TM số 35.2).
- (ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh dài hạn giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên – công ty con trong Tập đoàn, và Công ty TNHH An Tiến ("An Tiến"), bên liên quan, để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản với tổng giá trị dự án là 963.968.249 ngàn VND trong thời hạn 5 năm (từ ngày 20 tháng 5 năm 2016 đến ngày 20 tháng 5 năm 2021). Theo đó, An Tiến cam kết góp 700 tỷ và Tập đoàn cam kết góp 263.968.249 ngàn VND vốn đầu tư vào dự án. Lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên.
- (iii) Khoản nhận ký quỹ dài hạn chủ yếu là tiền ký quỹ thuê căn hộ, trung tâm thương mại và văn phòng dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY**

	Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngàn VND Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Trái phiếu chuyển đổi (TM số 24.1)	1.100.000.000	-	(1.100.000.000)	-
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 24.2)	1.108.676.967	1.561.591.860	(1.941.487.546)	728.781.281
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 24.4)	668.722.531	565.703.539	(655.334.222)	579.091.848
Vay ngắn hạn khác (TM số 24.5)	891.696.986	1.124.105.410	(1.195.910.742)	819.891.654
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	1.948.199.649	186.999.087	(1.734.099.663)	401.099.073
Trong đó:				
Trái phiếu hoán đổi (TM số 24.6)	1.130.000.000	-	(1.130.000.000)	-
Trái phiếu thường (TM số 24.3)	818.199.649	186.999.087	(604.099.663)	401.099.073
	<u>5.717.296.133</u>	<u>3.438.399.896</u>	<u>(6.626.832.173)</u>	<u>2.528.863.856</u>
<b>Vay dài hạn</b>				
Trái phiếu thường (TM số 24.3)	11.510.416.174	328.020.598	(872.540.427)	10.965.896.345
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 24.4)	9.795.943.139	849.076.919	(1.336.217.758)	9.308.802.300
Vay dài hạn khác (TM số 24.5)	313.086.954	5.000.000	(296.575.750)	21.511.204
	<u>21.619.446.267</u>	<u>1.182.097.517</u>	<u>(2.505.333.935)</u>	<u>20.296.209.849</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>27.336.742.400</b></u>	<u><b>4.620.497.413</b></u>	<u><b>(9.132.166.108)</b></u>	<u><b>22.825.073.705</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.1 Trái phiếu chuyển đổi**

Vào ngày 11 tháng 5 năm 2017, Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd ("NIMP"), trái chủ của trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND này, đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ trái phiếu này sang Công ty TNHH Blue Hope tương ứng 1.100.000 trái phiếu với mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu.

Vào ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty TNHH Blue Hope đã tiến hành chuyển nhượng tất cả trái phiếu chuyển đổi này lại cho 6 cá nhân khác.

Đến ngày 6 tháng 6 năm 2017, 6 cá nhân này đã thực hiện quyền chuyển đổi toàn bộ trái phiếu này thành cổ phiếu HAG với tỷ lệ 1 trái phiếu: 125 cổ phiếu HAG, tại mức giá chuyển đổi là 8.000 VND/cổ phiếu, tương đương 137.500.000 cổ phiếu đã được phát hành mới. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2205/17/NQHĐCĐ-HAGL ngày 22 tháng 5 năm 2017, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0506/17/NQHĐQT-HAGL ngày 5 tháng 6 năm 2017 và các thông báo chuyển đổi có liên quan.

**24.2 Vay ngắn hạn ngân hàng**

	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	321.597.754	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	171.945.940	541.434.117
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào – Việt")	119.898.087	349.778.076
Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Campuchia	80.737.650	24.157.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Campuchia ("BIDC")	34.601.850	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") – Chi nhánh Đồng Nai	-	193.307.774
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>728.781.281</b>	<b>1.108.676.967</b>

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà xưởng và văn phòng, máy móc thiết bị, vườn cây cao su, vườn cây cọ dầu và đàn bò của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Khoản vay 1	47.253.218	Từ ngày 23 tháng 2 2018 đến 29 tháng 9 năm 2018	Thả nổi dao động từ 9% - 11%/năm	Tín chấp
Khoản vay 2	124.692.722	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2018 đến ngày 16 tháng 4 năm 2018	USD: 7,7 – 7,9%/năm VND: 9,3% - 11,6%/năm	2 tầng thuộc khu thương mại nằm trên thửa đất số 478, tờ bản đồ số 9 tại Tổ hợp chung cư – Thương mại Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; 7 xe ô tô thuộc sở hữu HAG; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tó thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
	<b>171.945.940</b>			
<i>Ngân hàng Tiên Phong</i>				
Hội sở Hà Nội	299.597.754	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2018 đến ngày 29 tháng 9 năm 2018	Bằng tổng lãi suất tiết kiệm 3 tháng TPBank cộng với biên độ 3,2%/năm (2017: 10%/năm)	Quyền sử dụng đất 180,4 ha và tài sản gắn liền trên đất tại Gia Lai của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; quyền sử dụng đất 925 ha của Công ty TNHH Cao Su Eastern và tài sản gắn liền trên đất tại tỉnh Kratie, Campuchia
Chi nhánh Hồ Chí Minh	22.000.000	Vào ngày 12 tháng 12 năm 2018	10,5%/năm	2000 con bò thịt thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên, theo HĐKT số 1611/2017/CNGL-BSTN ngày 16 tháng 11 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng số 2311/2017/PLHĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017
	<b>321.597.754</b>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngân VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
Ngân hàng Lào – Việt ("LVB"), Chi nhánh Attapeu	119.898.087	Ngày 7 tháng 9 năm 2018	8%-10%/năm	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu
BIDC	34.601.850	Từ ngày 19 tháng 10 năm 2018 đến ngày 27 tháng 10 năm 2018	9%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm công trình xây dựng và các dự án đầu tư tại thửa đất Civ 0030-0182; Civ0031-0183; Civ0032-0184, Civ 0036-0188, Civ 0037- 0189; Civ 0038-0190; Civ 0039- 0191; Civ 0040- 0192 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao Su Eastern
	<b>154.499.937</b>			
Ngân hàng Sacombank, Chi nhánh Campuchia				
Khoản vay 1	23.067.900	Ngày 15 tháng 6 năm 2018	9%/năm	Quyền sử dụng đất tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri và tại Xã Nhang, Huyện AndongMeas, Tỉnh Ratanakiri thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav
Khoản vay 2 – 4	57.669.750	Từ ngày 11 tháng 4 năm 2018 đến ngày 21 tháng 6 năm 2018	9%/năm	Đất tô nhượng và vườn cao su tại Thôn Sre Thmay, Xã Khsum, Huyện Snol, Tỉnh Kro Ches, Campuchia của Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas
	<b>80.737.650</b>			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>728.781.281</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.3 Trái phiếu thường**

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngân VND</i>
		<i>Số đầu năm</i>
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	6.546.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	1.694.000.000	1.700.000.000
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS")	991.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	756.649.915	1.060.108.381
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	594.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC")	614.000.000	614.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(88.654.497)	(121.492.558)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.366.995.418</b>	<b>12.328.615.823</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>10.965.896.345</i>	<i>11.510.416.174</i>
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	<i>401.099.073</i>	<i>818.199.649</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
ACBS	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	240.000.000	Bảng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp kỳ hạn 13 tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm (2017: 10 – 10,9%/năm)	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Ratanakiri, Campuchia); dự án thủy điện Nậm Kông 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	12.960.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 13.405.675 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ; 45.230.000 cổ phiếu của CNGL sở hữu bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú
	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Bắc Á (*)	216.649.915	Bảng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 6,5%/năm (2017:13,8%/năm)	27 tháng 4 năm 2017		37.021.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 5.500.000 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ; Quyền sử dụng 308,4 ha đất trồng cây ăn trái và các tài sản trên đất thuộc sở hữu của CNGL
	Công ty Cổ phần Việt Golden Farm (*)	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng của NHTMCP Tiên Phong cộng với biên độ 4,5% (2017: 10%/năm)	18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	196.368.900 cổ phần HAN thuộc quyền sở hữu của Công ty; Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu phức Hợp Hoàng Anh Myanmar của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>756.649.915</b>				
Trong đó: Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		276.649.915				

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các điều kiện ràng buộc như được quy định trong hợp đồng trái phiếu đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
BIDV và BSC	BIDV	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của 4 NHTM tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3%/năm (2017: 9,70%/năm)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp – Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh; 9.996,9 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu ; 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 9.380,9 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Một Thành viên Hoàng Anh Andong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Heng Brothers; 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV C.R.D  Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên;  Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên;  44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thương mại (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
PHUGIASC	Ngân hàng HD – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	930.000.000	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần và bằng chi phí vốn VND 12 tháng do ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM cộng với biên độ 3,5%/năm (2017: 10% - 11%/năm)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	74.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 10.800.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty
VPBS	VPB	991.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng với biên độ áp dụng cho ba (3) kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,5%/năm và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25%/năm (2017: 10,05 – 11%/năm)	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2019 đến ngày 28 tháng 7 năm 2021	Hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai với CNGL (600 tỷ VND), và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VND)	110.628.505 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 4.700.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 19.940.000 cổ phiếu của HNG tại Công ty Cổ phần Daun Penh và dự án Daun Penh với quy mô 73.760.785 m2 tại Tỉnh Ratarakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Daun Penh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
IBSC	VPB	183.000.000	Bảng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của NH Việt Nam Thịnh Vượng được xác định tại ngày xác định LS + biên độ 4%/năm (2017: 10,5%/năm)	Ngày 29 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	195.345.440 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Dự án 7.376,08 ha cọ dầu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico tại xã Chey Ou Dom, huyện Lumphat, tỉnh Ratanakiri, Campuchia và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT
IBSC	VPB	431.000.000	10,5% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,0% (2017: 10,5% - 11,5%/năm)	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	Tái cơ cấu lại nợ lãi trái phiếu của trái phiếu mệnh giá 1.400 tỷ VND	195.345.440 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 ha đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Nông Nghiệp Daun Pênh và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>614.000.000</u></b>				
Trong đó: Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		124.449.158				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY** (tiếp theo)

**24.3 Trái phiếu thường** (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
FPTS và VPB	VPB	594.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của NH Việt Nam Thịnh Vượng được xác định tại ngày xác định LS + biên độ 4%/năm (2017: 10,5 – 11,4%/năm)	Ngày 27 tháng 12 năm 2021	Dự án chăn nuôi bò thịt tại xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai cho Công ty Bò sữa Tây Nguyên, là công ty con, dưới hình thức hợp tác đầu tư	196.368.900 cổ phần HAN sở hữu bởi HAG; Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Phục Hợp Hoàng Anh Myanmar và vốn góp 51 triệu USD của HAN vào HAGL Myanmar; 225.970.000 cổ phần của Thủy điện HAGL; 195.345.440 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 19.940.000 cổ phần của HNG tại Công ty Cổ phần Daun Penh và Dự án 7.376,08 ha cọ dầu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico tại xã Chey Ou Dom, huyện Lumphat, tỉnh Ratanakiri, Campuchia
ECS (*)	VPB	1.394.000.000	10,5% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB – Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,5%/năm (2017: 10,8% - 11,6%/năm)	Từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su và cọ dầu tại Campuchia và Lào	181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty, (trong đó 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có mệnh giá 600 tỷ VND)
	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	300.000.000		Từ ngày 17 tháng 2 năm 2017 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021		
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.694.000.000</b>				

(\*) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố có liên quan đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.4 Vay dài hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	2.950.770.245	3.774.468.711
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	2.924.753.645	994.082.605
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào – Việt")	1.420.718.793	1.391.677.221
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank")	1.401.510.119	1.341.912.616
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank")	1.190.141.346	2.962.524.517
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.887.894.148</b>	<b>10.464.665.670</b>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	9.308.802.300	9.795.943.139
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	579.091.848	668.722.531

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án xây dựng và phát triển thủy điện, trồng cây cao su và mía, phát triển dự án bò thịt, xây dựng trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng, khách sạn và mua sắm máy móc thiết bị của Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY** (tiếp theo)

**24.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số tiền Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)</i>
TPBank – Hội sở	1.190.141.346	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2018 đến 10 tháng 12 năm 2026	Lãi suất LIBOR 3 tháng bằng USD vào thời điểm giải ngân + 7,8%/năm và điều chỉnh 3 tháng/lần	Tổng giá trị tài sản hình thành trong tương lai từ dự án "Trung tâm Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar" thuộc sở hữu của Hoàng Anh Gia Lai Myanmar; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty; Phần vốn góp 51 triệu USD của HAN góp vào Hoàng Anh Gia Lai Myanmar
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	119.312.780			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Khoản vay 1 (*)	724.124.641	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70% (2017: 7,05 – 7,2%/năm)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha và Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào
Khoản vay 2 (*)	217.959.830	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2017: 12,3%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên
Khoản vay 3	80.348.514	Đến 26 tháng 12 năm 2024	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5%/năm (2017: 7%/năm)	Toàn bộ giá trị đầu tư và quyền khai thác của công trình Thủy điện Nậm Kông 2 được hình thành trong tương lai; Toàn bộ văn phòng hội sở chính Hoàng Anh Gia Lai và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai
Khoản vay 4	71.776.521	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2017: 9,9 – 12,3%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên
Khoản vay 5	65.968.272	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3,00% nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2017: 9,9%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên

(\*) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố có liên quan đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền Ngân VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)</i>				
Khoản vay 6	595.006.682	Từ ngày 17 tháng 3 năm 2019 đến ngày 21 tháng 12 năm 2019	9,3 – 11,6%/năm (khoản vay VND) 7,7 – 7,82%/năm (khoản vay USD)	2 tầng thuộc khu thương mại nằm trên thửa đất số 478, tờ bản đồ số 9 tại Tổ hợp chung cư – Thương mại Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; 7 xe ô tô thuộc sở hữu HAG; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tó thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
Khoản vay 7	575.268.050	Đến 20 tháng 10 năm 2020	11,6%/năm (khoản vay VND) 7,72% - 7,91% (khoản vay USD)	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của vườn cao su 1.194,74 ha và các lợi ích hợp pháp khác từ vườn cây trên 1.199 ha tại xã Pờ Tó, Ia Pa, Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên; Toàn bộ công trình khu liên hợp học viện bóng đá HAGL tại Ia Băng, Đăk Đoa, Gia Lai; Toàn bộ công trình đại học Y Dược HAGL; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAGL; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của HAG; 1 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thủy Điện HAGL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
Ngàn VND				
<i>BIDV, Chi nhánh Bình Định</i>				
Khoản vay 8 (*)	620.317.735	Đối với khoản vay cao su: Từ 25 tháng 12 năm 2018 đến 25 tháng 3 năm 2026  Đối với khoản vay cọ dầu: Từ 25 tháng 3 năm 2020 đến 25 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00% (2017: 7,5%/năm)	Quyền sử dụng đất Khu căn hộ cao cấp HAGL gồm 85 căn hộ, block A,B,C tại số 40 Đường Hùng Vương, Thành phố Buon Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn với đất 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại số 06 Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam của HAG; Nhà máy đá Granit HAGL tại Dọc Quốc lộ 14, Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng đất tại khu quy hoạch dân cư sinh thái Hồ Đồng Đa với tổng diện tích 2.332 m2, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai với diện tích 6.993,2 m2; Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại tỉnh Attapeu, Lào của Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.950.770.245</b>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	34.139.066			

(\*) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố có liên quan đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng	262.454.605	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng của Sacombank cộng biên độ 2% được điều chỉnh 3 tháng/lần (2017: 9,5%/năm)	23,2 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 14,5 triệu Cổ phần Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của HNG;
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn				
Khoản vay 1 (*)	300.000.000	Từ ngày 28 tháng 6 năm 2020 đến ngày 28 tháng 12 năm 2021	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 2,5% một tháng, điều chỉnh 3 lần/năm (2017: 10%/năm)	Quyền sử dụng đất 687,9 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam; 18,57 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 15 triệu cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; 4,99 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của HNG;
Khoản vay 2	1.896.192.440	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2018 đến 17 tháng 6 năm 2023	Lãi suất LIBOR 3 tháng bằng USD vào thời điểm giải ngân + 7,8%/năm và điều chỉnh 3 tháng/lần	Toàn bộ nguồn thu, hoa lợi phát sinh từ dự án cây cao su thuộc phạm vi (nhưng không giới hạn) 3.476,58 ha được Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên trồng và khai thác do SCB tài trợ  Tổng giá trị tài sản hình thành trong tương lai từ dự án "Trung tâm Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar" thuộc sở hữu của HAGL Myanmar; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty

(\*) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố có liên quan đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY** (tiếp theo)

**24.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền Ngân VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức</i>				
Khoản vay 1 (*)	250.000.000	Ngày 25 tháng 12 năm 2021 đến ngày 06 tháng 12 năm 2026	Lãi suất thả nổi (2017: 10% - 11,85%/năm)	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; Quyền sử dụng đất 479,2 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo giá trị 95,84 tỷ VND và 683,33 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Khoản vay 2 (*)	85.000.000	Ngày 25 tháng 4 năm 2020 đến ngày 11 tháng 10 năm 2021	9,5%/năm cho năm đầu tiên và các năm tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả sau của SCB cộng biên độ 2,5%/năm. (2017: 9,5%/năm)	Quyền sử dụng 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Ia Púch, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Khoản vay 3	16.100.000	Ngày 21 tháng 7 năm 2020 đến ngày 21 tháng 7 năm 2022		
<i>Sacombank, Chi nhánh Campuchia</i>				
Khoản vay 1	92.271.600	Ngày 23 tháng 6 năm 2021	9%/năm	Quyền sử dụng đất thuê lâu dài tại Xã Talao, Huyện Ouchum và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia
Khoản vay 2	22.735.000	Ngày 24 tháng 1 năm 2019 đến ngày 24 tháng 7 năm 2022	9%/năm	Quyền sử dụng tô nhượng đất kinh tế 728,24 ha đất tại Thôn Sre Thmay, Xã Khsum, Huyện Snol, Tỉnh Kro Ches, Campuchia, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao Su Eastern
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.924.753.645</u></b>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>335.737.338</i>			

(\*) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố có liên quan đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>Ngân hàng Lào – Việt (“LVB”), Chi nhánh Attapeu</i>				
Khoản vay 1	371.030.194	Từ ngày 1 tháng 8 năm 2019 đến ngày 30 tháng 8 năm 2020	VND: 10,5% - 11%/năm	Toàn bộ công trình xây dựng, các loại máy móc thiết bị gắn liền với công trình thủy điện Nậm Kông 3 hình thành sau đầu tư tại Huyện Phu Vông, Tỉnh Attapeu, Lào
Khoản vay 2	318.153.427	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	10%/năm	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, tỉnh Attapeu theo bản đồ đất số 17 001 0008;
Khoản vay 3	115.278.714	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	8,75%/năm	Diện tích đất 0,3 ha của Nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và Toàn bộ đàn bò nhập về của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>Ngàn VND</i>				
<i>Ngân hàng Lào – Việt (“LVB”), Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)</i>				
Khoản vay 4 (*)	281.180.615	Ngày 21 tháng 6 năm 2018 đến ngày 14 tháng 3 năm 2023	USD: điều chỉnh 2 lần/năm (2017: 9,5 – 11%/năm). LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3%, điều chỉnh 2 lần/năm (2017: 12,75 – 13,75%/năm)	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát Triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu theo bản đồ đất số 17 001 0008; Diện tích đất 0,3 ha của Nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và Toàn bộ đàn bò nhập về của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
Khoản vay 5	227.596.374	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2019 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	9,5 – 10%/năm	Quyền sử dụng 1.001,78 ha đất tại Huyện Laman, Tỉnh SeKong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Hoàng Anh Quang Minh; Giá trị toàn bộ tài sản trên đất là vườn cây cao su diện tích 420,91 ha tại Huyện Laman, Sêkong, Lào; Toàn bộ đàn bò nhập về Công ty Cao su Hoàng Anh Quang Minh
Khoản vay 6 (*)	107.479.469	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2018 đến ngày 30 tháng 11 năm 2020	Lãi suất thả nổi (2017: 9,5 – 10%/năm)	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.420.718.793</u></b>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	65.989.536			

(\*) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố có liên quan đã bị vi phạm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY** (tiếp theo)

**24.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13 và 14)
<i>Ngân VND</i>				
<i>HD Bank – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai</i>				
Khoản vay 1 (*)	878.127.640	Ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Điều chỉnh 2 lần mỗi năm (2017: USD 7 – 7,5%/năm và VND 10,5 – 12%/năm)	42,88 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT và Bà Hoàng Thị Ngọc Bích – vợ Chủ tịch; Quyền sử dụng 7.924 ha đất tại Ratanakiri, Campuchia và tài sản gắn liền đất; Vốn góp 13,9 triệu cổ phần của HNG, 6 triệu cổ phần của BSTN và 100 ngàn cổ phần của Chăn Nuôi Gia Lai tại Công ty Cổ phần An Đông Mía
Khoản vay 2	299.706.456	Từ ngày 1 tháng 8 năm 2019 đến ngày 30 tháng 8 năm 2020	10,5% -11%/năm	196.368.090 cổ phiếu HAN do công ty HAG sở hữu
<i>HD Bank – Chi nhánh Gia Lai</i>				
Khoản vay 1 (*)	99.800.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2019 đến ngày 30 tháng 9 năm 2021	12,5%/năm	Toàn bộ cây ăn quả và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn quả bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án.
Khoản vay 2 (*)	55.308.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	13%/năm	Toàn bộ cây ăn quả và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án; Toàn bộ đàn bò đang thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên và quyền đòi nợ phát sinh từ việc bán bò
Khoản vay 3	10.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	12,5%/năm	Toàn bộ cây ăn quả và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn quả bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án; Cam kết thế chấp 15 xe đầu kéo, 15 sơ mi rơ móc thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên
<i>HD Bank – Chi nhánh Đắk Lắk</i>	58.568.023	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2018 đến ngày 2 tháng 12 năm 2020	10,5%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con thuộc dự án chăn nuôi bò

**TỔNG CỘNG** **1.401.510.119**

Trong đó:

Vay dài hạn  
đến hạn trả 23.913.128

(\*) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố có liên quan đã bị vi phạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.5 Vay ngắn hạn khác và vay dài hạn khác**

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

<i>Tên đối tượng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
	<i>Ngàn VND</i>			
<b>Vay ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH Chaleun Sekong Energy	315.491.358	Ngày 1 tháng 1 năm 2018	Không lãi suất	Tín chấp
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	298.000.000	Ngày 28 tháng 9 năm 2018	15%/năm	Tín chấp
Ông Đỗ Mai Anh Tuấn	75.801.860	Ngày 1 tháng 9 năm 2018	Không lãi suất	Tín chấp
Công ty Cổ phần Địa ốc Nhật Hoa (*)	49.326.836	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 và Ngày 23 tháng 11 năm 2018	5,5 - 13%/năm	Tín chấp
Bà Trần Thị Hữu Duyên	33.529.000	Ngày 27 tháng 8 năm 2018 và ngày 30 tháng 1 năm 2018	7% - 10%/năm	Tín chấp
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	12.091.300	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	4,2%/năm	Tín chấp
Các cá nhân khác và công ty (*)	35.651.300	Ngày 26 tháng 10 năm 2016 đến ngày 24 tháng 8 năm 2018	9%-10%/năm	Tín chấp
	<b>819.891.654</b>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay bên liên quan (TM số 35.2)</i>	<i>317.914.300</i>			
<b>Vay dài hạn khác</b>				
Bà Huỳnh Trần Thanh Phương	5.000.000	Ngày 29 tháng 6 năm 2019	6,5%/năm	Tín chấp
Ông Cao Duy Thịnh	16.511.204	Hoàn trả khi có yêu cầu	Không lãi suất	Tín chấp
	<b>21.511.204</b>			

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thực hiện thanh toán các khoản vay cá nhân đến hạn trị giá 32.234.500 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.6 Trái phiếu hoán đổi**

Chi tiết trái phiếu hoán đổi như sau:

Trái chủ	Số cuối năm Ngàn VND	Số đầu năm Ngàn VND	Lãi suất
Northbooks Investment Mauritius Pte Ltd (i)	-	697.000.000	Lãi suất = 5%/năm x (1+ Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn (ii)	-	433.000.000	"Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái" là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VND do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu đến trước ngày 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>1.130.000.000</b>	

Các khoản trái phiếu tín chấp trên được thực hiện nhằm tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của HNG.

(i) Vào ngày 29 tháng 6 năm 2017, công ty Northbooks Investment Mauritius Pte Ltd, chủ sở hữu trái phiếu hoán đổi có mệnh giá 697 tỷ VND đã thực hiện thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ trái phiếu hoán đổi này cho Công ty TNHH Glory Red Star với số lượng 697.000 trái phiếu hoán đổi với mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu.

Tiếp theo, vào ngày 14 tháng 7 năm 2017, Công ty TNHH Glory Red Star đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số trái phiếu hoán đổi này lại cho 3 cá nhân khác theo các thỏa thuận chuyển nhượng trái phiếu ký kết có liên quan.

Sau đó cũng vào ngày này, các bên bao gồm Công ty, Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") và các cá nhân trái chủ trên đã tiến hành thực hiện thỏa thuận hoán đổi nghĩa vụ nợ trái phiếu này bằng cách cần trừ khoản nợ vay của HNG đối với Công ty cùng giá trị 697 tỷ VND theo các Hợp đồng chuyển nhượng khoản vay và Hoán đổi nghĩa vụ trả nợ được ký kết cùng ngày. Theo đó, tại ngày này, nghĩa vụ nợ Trái phiếu hoán đổi đã chuyển sang cho HNG, tương ứng HNG cũng giảm nghĩa vụ nợ vay phải trả đối với Công ty.

Vào ngày 5 tháng 3 năm 2018, các nghĩa vụ nợ này đã được hoán đổi sang cổ phần của HNG (TM số 40).

(ii) Vào ngày 2 tháng 5 năm 2017 và ngày 20 tháng 6 năm 2017, theo các yêu cầu thực hiện hoán đổi của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn (Saigon Capital), tổ chức nắm giữ các trái phiếu hoán đổi với tổng giá trị 433 tỷ VND này, Tập đoàn đã hoàn thành việc hoán đổi bằng 43.300.000 cổ phiếu HNG. (TM số 4.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.7 Trái phiếu kèm chứng quyền**

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, công ty con trong Tập đoàn, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai, đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng "VPBS" thu xếp phát hành. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS – công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

**25. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện lợi nhuận chưa thực hiện của các nghiệp vụ bán hàng giữa khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**26.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

							Ngàn VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>							
Số đầu năm ( <i>Trình bày lại – TM số 39</i> )	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	555.077.253	279.895.303	2.023.903.249	14.296.947.419
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	(1.569.945.178)	(1.569.945.178)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	70.841.555	-	-	70.841.555
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	498.742.120	498.742.120
Số cuối năm	<u>7.899.679.470</u>	<u>3.539.078.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>625.918.808</u>	<u>279.895.303</u>	<u>952.700.191</u>	<u>13.296.585.916</u>
<b>Năm nay</b>							
Số đầu năm ( <i>Trình bày lại – TM số 39</i> )	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	625.918.808	279.895.303	952.700.191	13.296.585.916
Phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi trái phiếu ( <i>TM số 24.1</i> )	1.375.000.000	(275.220.000)	-	-	-	-	1.099.780.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	69.588.012	69.588.012
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(172.105.848)	-	-	(172.105.848)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(319.479.088)	(319.479.088)
Số cuối năm	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>453.812.960</u>	<u>279.895.303</u>	<u>702.809.115</u>	<u>13.974.368.992</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**26.2 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	789.899.283
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

**27. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm (Trình bày lại – TM số 39)
Số đầu năm ( <i>Trình bày lại – TM số 39</i> )	2.649.088.573	1.758.600.771
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đồng không kiểm soát của các công ty con	860.045.810	403.038.577
Lợi nhuận (lỗ) trong năm phân bổ cho cổ đồng không kiểm soát	302.019.303	(612.720.882)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đồng không kiểm soát của công ty con	2.450.000	1.806.690.209
Mua công ty con	-	(700.673.539)
Thanh lý công ty con	-	(5.021.563)
Cổ tức phải trả cho cổ đồng không kiểm soát	-	(825.000)
Số cuối năm	<u>3.813.603.686</u>	<u>2.649.088.573</u>

**28. LÃI (LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU**

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)</b>	<b>69.588.012</b>	<b>(1.569.945.178)</b>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	868.255.447	789.899.283
<b>Lãi (lỗ) trên cổ phiếu (VND)</b>		
- Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	80	(1.988)
- Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	80	(1.988)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. DOANH THU**

**29.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước (Trình bày lại – TM số 39)
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>4.841.225.074</b>	<b>6.712.718.981</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	1.612.028.646	-
Doanh thu bán bò	759.269.479	3.470.788.385
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	723.516.613	460.341.756
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác (bệnh viện, khách sạn, quảng cáo, v.v.)	606.673.377	328.665.956
Doanh thu bán hàng hóa	464.954.062	692.076.240
Doanh thu bán mù cao su	454.358.577	114.025.799
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	80.764.241	469.225.145
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	80.381.541	87.964.779
Doanh thu bán căn hộ	59.278.538	206.880.422
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	746.985.749
Doanh thu bán bắp	-	135.764.750
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>(1.249.713)</b>
Hàng bán trả lại	-	(1.249.713)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.841.225.074</b>	<b>6.711.469.268</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	1.612.028.646	-
Doanh thu bán bò	759.269.479	3.470.788.385
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	723.516.613	460.341.756
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác (bệnh viện, khách sạn, quảng cáo, v.v.)	606.673.377	328.665.956
Doanh thu bán hàng hóa	464.954.062	690.826.527
Doanh thu bán mù cao su	454.358.577	114.025.799
Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường	80.764.241	469.225.145
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	80.381.541	87.964.779
Doanh thu bán căn hộ	59.278.538	206.880.422
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	746.985.749
Doanh thu bán bắp	-	135.764.750
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần với các bên khác	4.542.622.306	6.324.095.340
Doanh thu thuần với các bên liên quan	298.602.768	387.373.928

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. DOANH THU** (tiếp theo)

**29.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Ngân VND Năm trước (Trình bày lại – TM số 39)
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư (TM số 4)	807.659.222	2.595.452
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nhóm công ty Mía đường (TM số 4.1)</i>	699.085.038	-
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê     (TM số 4.3)</i>	107.418.184	-
<i>Khác</i>	1.156.000	2.595.452
Lãi tiền cho vay	798.953.582	883.197.510
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	48.666.991	49.242.768
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.437.010	14.661.623
Các khoản khác	5.199.643	7.934.149
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.665.916.448</b>	<b>957.631.502</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	922.709.912	135.408.632
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	743.206.536	822.222.870

**30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay	Ngân VND Năm trước (Trình bày lại – TM số 39)
Giá vốn bán trái cây	761.235.134	-
Giá vốn bán bò	722.539.952	3.147.173.899
Giá vốn dịch vụ khác (bệnh viện, khách sạn, quảng cáo, v.v.)	445.133.983	310.246.492
Giá vốn dịch vụ cho thuê	382.688.288	151.360.667
Giá vốn mũ cao su	352.603.169	142.773.735
Giá vốn hàng hóa	207.694.554	522.334.412
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	121.119.862	685.420.213
Giá vốn căn hộ	58.761.526	184.114.451
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	57.906.529	185.600.840
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	578.073.073
Giá vốn bán bắp	-	66.657.192
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.109.682.997</b>	<b>5.973.754.974</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngân VND Năm trước (Trình bày lại – TM số 39)</i>
Lãi vay ngân hàng và trái phiếu	1.585.315.746	1.628.401.688
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	63.397.561	62.268.275
Các khoản khác	49.219.131	43.932.504
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.697.932.438</u></b>	<b><u>1.734.602.467</u></b>

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngân VND Năm trước (Trình bày lại – TM số 39)</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.156.821	128.214.766
Chi phí lương nhân viên	27.962.791	20.749.208
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.456.575	1.573.818
Chi phí khác	11.346.935	19.168.436
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>143.923.122</u></b>	<b><u>169.706.228</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Phân bổ lợi thế thương mại	319.598.039	150.494.855
Chi phí lương nhân viên	182.156.078	167.675.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.519.841	68.271.282
Chi phí khấu hao	35.605.584	40.337.776
Chi phí dự phòng	8.620.401	-
Chi phí khác	85.048.386	84.491.518
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>707.548.329</u></b>	<b><u>511.270.660</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại –</i> <i>TM số 39)</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>267.202.683</b>	<b>176.256.524</b>
Lãi từ thanh lý tài sản	141.905.662	162.033.597
Nợ thuế được miễn	97.162.878	-
Các khoản khác	28.134.143	14.222.927
<b>Chi phí khác</b>	<b>666.678.513</b>	<b>1.447.929.479</b>
Chi phí thay đổi mục đích sử dụng tài sản	296.695.388	207.046.655
Tài sản không hiệu quả	148.035.123	762.561.783
Chi phí phát triển vườn cây	89.242.030	-
Lỗ từ thanh lý tài sản dài hạn khác	20.283.562	402.427.821
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	19.122.206	25.629.519
Các khoản phạt	9.350.809	11.525.716
Các khoản khác	83.949.395	38.737.985
<b>LỖ KHÁC</b>	<b>(399.475.830)</b>	<b>(1.271.672.955)</b>

**34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2016: 20%).

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia, Myanmar và Thái Lan có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế địa phương. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**34.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại -</i> <i>TM số 39)</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.802.221	10.311.463
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.735.757	192.158.364
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>58.537.978</b>	<b>202.469.827</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**34.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

	Năm nay	Ngân VND Năm trước (Trình bày lại - TM số 39)
<b>Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>430.145.293</b>	<b>(1.980.196.233)</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Lỗ từ các công ty con	883.912.470	2.692.253.372
Lợi thế thương mại phân bổ	319.598.040	150.494.855
Hoàn nhập (vốn hoá) chi phí lãi vay trên báo cáo tài chính hợp nhất	395.646.231	(89.797.577)
Lợi nhuận chưa thực hiện trên hợp nhất	79.350.474	45.204.947
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	17.428.421	12.810.335
Tiền phạt	16.469.211	20.886.781
Lỗ (lãi) từ các công ty liên kết	16.336.454	(11.710.281)
Các khoản khác	151.576.224	31.486.404
Lãi từ thanh lý các công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất	(878.438.276)	2.724.776
Các khoản dự phòng	(435.876.305)	(634.452.082)
Lợi nhuận của các công ty con được miễn thuế	(234.727.683)	(115.276.580)
Chênh lệch tỷ giá	(69.509.091)	44.076.656
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>691.911.463</b>	<b>168.505.373</b>
Lỗ các năm trước chuyển sang	(395.414.164)	(17.821.889)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành sau khi cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>296.497.299</b>	<b>150.683.484</b>
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>23.210.016</b>	<b>10.928.559</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	1.592.205	(617.096)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>24.802.221</b>	<b>10.311.463</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	63.040.251	66.474.849
Khác	(424.874)	11.678.693
Thuế TNDN đã trả trong năm	(4.591.515)	(25.424.754)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>82.826.083</b>	<b>63.040.251</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 21)	84.361.805	64.559.662
Thuế TNDN nộp thừa (TM số 21)	(1.535.722)	(1.519.411)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**34.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**34.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - TM số 39)	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - TM số 39)
<i>Ngàn VND</i>				
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	105.125.055	91.119.227	14.005.828	8.177.840
	<b>105.125.055</b>	<b>91.119.227</b>	<b>14.005.828</b>	<b>8.177.840</b>
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>				
Chi phí lãi vay vốn hoá khi hợp nhất	207.259.809	248.544.686	(41.284.877)	59.038.281
Dự phòng khoản đầu tư (*)	105.269.934	126.890.416	86.987.118	123.557.308
Thu nhập từ bán tài sản cho thuê tài chính	24.411.774	17.740.615	2.039.344	17.740.615
	<b>336.941.517</b>	<b>393.175.717</b>	<b>47.741.585</b>	<b>200.336.204</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh</b>			<b>33.735.757</b>	<b>192.158.364</b>

(\*) Thay đổi khoản này chủ yếu do ảnh hưởng của nghiệp vụ thanh lý Nhóm Công ty Mía đường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**35.1 Giao dịch trong năm**

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Cho vay dài hạn	2.677.712.456	-
		Thu hồi tiền cho vay	940.262.537	-
		Lãi cho vay	301.409.740	216.854.465
		Mua hàng hóa và dịch vụ	289.117.998	177.804.404
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	140.804.073	598.278.514
		Mua tài sản cố định	-	88.105.382
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho vay dài hạn	1.060.273.015	-
		Thu hồi tiền cho vay	816.357.365	-
		Lãi cho vay	256.065.847	347.028.384
		Mua cổ phần của Chăn nuôi Gia Lai	-	550.000.000
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Thu hồi tiền cho vay	281.009.591	-
		Góp vốn BCC	240.000.000	-
		Lãi cho vay	28.909.696	81.762.040
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho vay	199.900.328	-
		Lãi cho vay	14.109.705	2.106.001
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	123.872.977	-
		Lãi cho vay	33.797.024	30.469.444
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Thu hồi tiền cho vay	115.917.134	-
		Lãi cho vay	11.893.703	15.119.538
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Mình Tuấn	Công ty liên quan	Cho vay dài hạn	68.079.071	54.140.386
		Lãi cho vay	8.012.666	2.492.768
Công ty Cổ phần Gõ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	-	42.869.945
		Lãi cho vay	14.839.392	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**35.1 Giao dịch trong năm (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn	398.208.195	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	180.570.736	38.785.483
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	99.243.127	59.194.401
		Chuyển nhượng dự án	-	173.143.070
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.564.938	14.817.045
		Mua hàng hóa và dịch vụ	17.748.342	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.735.918	2.822.196
		Lãi cho vay	16.661.083	5.555.334
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi cho vay	17.019.244	-
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	8.434.522	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	11.363.773	75.771
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Công ty liên quan	Vay	30.091.300	-
		Lãi vay	10.170.174	-
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi cho vay	7.584.732	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

**35.1 Giao dịch trong năm** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Từ Minh Đăng	Bên liên quan	Cho mượn	676.200.000	-
Ông Nguyễn Quyền	Bên liên quan	Cho mượn	935.057.000	-
Ông Hoàng Trọng Hưng	Bên liên quan	Cho mượn	516.700.000	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	55.500.000	-
Ông Nguyễn Thượng Trung	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	137.000.000	-
Ông Thủy Ngọc Dũng	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	135.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	140.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Luyện	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	115.000.000	-
Ông Trần Quang Dũng	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	110.000.000	-
Ông Dương Thanh Bích	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	150.000.000	-
Bà Lê Thùy Dương	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	50.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)</b>				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	496.649.239	344.923.894
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	65.325.049	-
		Bán hàng hóa	3.628.478	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	40.079.827	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.756.431	27.712.129
		Bán tài sản	-	90.147.433
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	11.456.776	-
Các bên liên quan khác		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.778.218	3.418.420
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>641.674.018</b>	<b>466.201.876</b>

(\*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	439.883.209	339.172.635
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	18.084.773	-
		Bán tài sản cố định	-	383.279
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	236.310
		Bán hàng hóa	3.517.833	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.774.737	49.843
Các bên liên quan khác		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.792.743	5.081.827
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>496.649.239</b>	<b>344.923.894</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)</b>				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	410.301.606	716.225.859
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng	2.569.366	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Ứng trước phí tư vấn thiết kế	-	15.056.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>412.870.972</b>	<b>731.281.859</b>

(\*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Ứng trước mua hàng hóa	397.012.296	702.918.509
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	13.016.410	13.034.450
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Ứng trước dịch vụ xây dựng	272.900	272.900
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>410.301.606</b>	<b>716.225.859</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)</b>				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	1.090.388.994	1.760.073.732
Ông Nguyễn Quyền	Bên liên quan		935.057.000	-
Ông Từ Minh Đăng	Bên liên quan		676.200.000	-
Ông Hoàng Trọng Hưng	Bên liên quan		516.700.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	10,81% - 15%	445.627.940	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan		49.900.700	61.397.808
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	10%	33.990.410	-
Công ty Cổ Phần Long Thịnh	Công ty liên quan	12%	4.170.750	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty liên quan	12%	2.925.526	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Công ty liên quan		-	500.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Công ty liên quan		-	126.017.532
Công ty TNHH MTV Vạn Phúc Hưng	Công ty liên quan		-	14.130.278
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan		-	14.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>3.754.961.320</b>	<b>1.976.619.350</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

(\*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Ngàn VND				
Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Lãi suất%/năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	12% - 15%	626.466.204	726.516.211
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	9,75% - 12%	185.994.550	660.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	12%	123.299.907	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	11,29% - 15,73%	93.000.000	14.500.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	10%	61.628.333	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan		-	189.000.000
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan		-	115.917.134
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan		-	54.140.387
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.090.388.994</b>	<b>1.760.073.732</b>
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)</b>				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	497.088.437	1.247.505.988
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Lãi cho vay	33.288.967	3.894.640
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn	19.016.297	132.565.744
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	7.005.910	-
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	1.853.367	1.600.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	2.329.167
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	2.329.167
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	1.501.070
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan	Lãi cho vay và cho mượn	611.627	693.553
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>558.864.605</b>	<b>1.392.419.329</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

(\*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	159.626.905	143.698.819
		Chi phí trả hộ	-	2.440.389
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Lãi cho vay	156.386.695	35.315.529
		Cho mượn	28.124.334	3.759.760
		Chi phí trả hộ	31.807.278	20.976.758
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	44.353.801	925.412.956
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	21.806.304	18.058.649
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	21.557.241	13.122.719
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	18.228.000	11.110.667
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059	12.624.059
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	2.556.565	2.530.531
		Lãi cho vay	-	14.452.574
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	17.255	2.728.820
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	23.465.186
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	10.406.208
		Chi phí trả hộ	-	7.402.364
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>497.088.437</b>	<b>1.247.505.988</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)</b>				
Nhóm An Phú (*)	Các công ty liên quan	(*)	7.435.714.993	4.485.825.825
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	8% - 15%	54.052.853	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty liên quan	12%	23.193.100	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch		-	300.000.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan		-	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan		-	125.340.957
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan		-	96.670.000
Công ty TNHH MTV Vạn Phúc Hưng	Công ty liên quan		-	30.048.554
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>7.512.960.946</u></b>	<b><u>5.187.885.336</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

(\*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	9,75% - 12%	3.491.345.993	1.229.890.624
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	12% - 15%	1.834.926.927	1.490.961.271
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan		710.000.000	771.628.333
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	6,5% - 10,5%	381.703.227	381.703.227
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	12%	358.488.312	45.615.335
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	13%	196.731.113	14.651.980
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	10%	136.261.796	141.231.796
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan		105.110.065	105.110.065
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	10%	75.481.435	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan		75.000.000	212.033.194
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Công ty liên quan	10%	50.000.000	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan		20.666.125	93.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>7.435.714.993</b>	<b>4.485.825.825</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND
				Số đầu năm
<b>Phải thu dài hạn khác (TM số 9)</b>				
Nhóm An Phú	Các công ty liên quan	(*)	639.920.595	191.007.172
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp MTV Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn	130.284.692	295.543.906
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn	117.720.096	102.439.202
		Lãi cho vay	2.551.686	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>890.477.069</b>	<b>588.990.280</b>

(\*) Số dư chi tiết nhóm An Phú như sau:

Nhóm An Phú	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND
				Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Phải thu BCC	260.327.064 125.750.980	60.368.691 109.650.981
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	161.975.432	20.987.500
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	31.061.435	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	20.488.121	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	12.905.556	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	12.522.211	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	9.543.750	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cho mượn	4.099.189	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cho mượn	1.246.857	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>639.920.595</b>	<b>191.007.172</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 19)</b>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	(102.076.936)	(57.589.718)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(84.221.566)	(4.172.853)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(83.166.966)	(3.195.941)
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(9.328.145)	-
Các bên liên quan khác		Mua hàng hóa	(268.067)	(65.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>(279.061.680)</u></b>	<b><u>(65.023.512)</u></b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 20)</b>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Ứng trước dịch vụ xây dựng	(194.864.544)	(193.716.544)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	(128.617.878)	(24.395.000)
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	(621.570)	(23.560)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>(324.103.992)</u></b>	<b><u>(218.135.104)</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	Ngàn VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 23)</b>					
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Công ty liên quan	Cho mượn tạm Lãi cho vay	(500.000.000) (10.120.174)	-	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Cho mượn tạm Lãi cho vay	(250.098.890) (40.329.333)	(404.622.014)	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Nhận góp vốn BCC	(240.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Nhận góp vốn BCC Cho mượn tạm	(150.000.000) (4.100.000)	-	-
Ông Dương Thanh Bích	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	(150.000.000)	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	(140.000.000)	-	-
Ông Nguyễn Thượng Trung	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	(137.000.000)	-	-
Ông Thủy Ngọc Dũng	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	(135.000.000)	-	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Luyến	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	(115.000.000)	-	-
Ông Trần Quang Dũng	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	(110.000.000)	-	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Công ty liên quan	Nhận góp vốn BCC	(55.500.000)	-	-
Bà Lê Thùy Dương	Bên liên quan	Nhận góp vốn BCC	(50.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Á Đông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(10.666.989)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(6.450.000)	(6.450.000)	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(5.711.421)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(3.000.000)	-	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cho mượn tạm Cổ tức phải trả	(2.654.276) (2.034.000)	(4.688.276)	-
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Cho mượn tạm	(1.958.300)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**35.2 Số dư các khoản phải thu và phải trả (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả ngắn hạn khác (tiếp theo) (TM số 23)</b>				
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Cho mượn tạm	(1.883.196)	(23.204.111)
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	(22.147.125)	-
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	(1.276.815)	(805.929)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>(2.144.930.519)</b>	<b>(439.770.330)</b>
<b>Phải trả dài hạn khác (TM số 23)</b>				
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh	(550.000.000)	(550.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Ký quỹ dài hạn	(77.566)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>(550.077.566)</b>	<b>(550.000.000)</b>
<b>Vay ngắn hạn (TM số 24)</b>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Vay	(298.000.000)	-
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Bên liên quan	Vay	(12.091.300)	(12.091.300)
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Vay	(7.823.000)	(7.823.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>(317.914.300)</b>	<b>(19.914.300)</b>
<b>Vay dài hạn (TM số 24)</b>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Vay	-	(298.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**35.3 Nợ phải thu nhóm An Phú**

Dưới đây trình bày khoản phải thu từ nhóm An Phú (trích từ TM số 35.2) như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	496.649.239	344.923.894
Trả trước cho người bán ngắn hạn	410.301.606	716.225.859
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.090.388.994	1.760.073.732
Phải thu ngắn hạn khác	497.088.437	1.247.505.988
Phải thu về cho vay dài hạn	7.435.714.993	4.485.825.825
Phải thu dài hạn khác	639.920.595	191.007.172
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.570.063.864</u></b>	<b><u>8.745.562.470</u></b>

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, khoản phải thu của Tập đoàn đối với nhóm An Phú như trên đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Ông Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty, cá nhân liên quan khác.

**35.4 Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký**

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
<i>Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</i>		
Lương	10.309.200	9.950.242
<i>Ban kiểm soát</i>		
Lương	1.548.000	2.292.856
<i>Ban thư ký</i>		
Lương	132.000	545.858
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.989.200</u></b>	<b><u>12.788.956</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

*Tập đoàn là bên thuê*

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào, Campuchia để xây dựng nhà xưởng, câu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc và trồng cây cao su và các loại cây khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	98.021.128	106.719.092
Từ 1 đến 5 năm	709.537.635	465.335.080
Trên 5 năm	<u>7.397.081.714</u>	<u>9.237.157.505</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.204.640.477</u></b>	<b><u>9.809.211.677</u></b>

*Tập đoàn là bên cho thuê*

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động theo các thỏa thuận cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại tại Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	503.493.109	518.841.583
Từ 1 đến 5 năm	1.408.159.977	1.101.680.953
Trên 5 năm	<u>751.033.002</u>	<u>366.713.252</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.662.686.088</u></b>	<b><u>1.987.235.788</u></b>

***Các cam kết liên quan đến chi phí xây dựng công trình***

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có các cam kết cho việc xây dựng các dự án bất động sản như sau:

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Giá trị theo cam kết</i>	<i>Giá trị đã ghi nhận</i>	<i>Giá trị cam kết còn lại</i>
<b>Dự án bất động sản Myanmar</b>	<u>9.810.680.000</u>	<u>4.948.240.616</u>	<u>4.862.439.384</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

**Cam kết quan trọng trong năm**

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp vào ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Tập đoàn và bên nhận chuyển nhượng cùng thỏa thuận vào ngày 15 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm công ty Mía đường có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm công ty Mía đường;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm công ty Mía đường;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm công ty Mía đường; và

Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tổ tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty Mía đường trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

**Dự phòng bảo hành các dự án xây dựng Sân bay**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của hai dự án xây dựng sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu và sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, nước Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào. Tập đoàn chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho các dự án này, vì các dự án chưa được quyết toán hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư.

Theo quy định tại điều 13.2 Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Attapeu số LAO-ATP(01) tháng 1 năm 2013 và điều 13.2 Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Nongkhang số LAO-NKP(01) ngày 15 tháng 6 năm 2013 thời gian bảo hành sẽ kéo dài trong thời gian một năm kể từ ngày bàn giao các dự án.

**37. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- KIP Lào (LAK)	1.307.232.151	10.435.442.239
- Đồng Kyat Myanmar (MMK)	525.633.509	1.901.281.258
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	215.851.975	111.306.843
- Đồng Bạc Thái Lan (THB)	3.093.096	7.078.908
- Đô la Mỹ (USD)	3.083.091	7.610.333
- Đồng Euro (EUR)	7.143	1.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

#### 38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Bất động sản: phát triển dự án căn hộ để bán và cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại;
- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng căn hộ, xây dựng sân bay và xây dựng chuồng trại;
- Năng lượng: phát triển và khai thác thủy điện;
- Khoáng sản: khai thác, chế biến và bán quặng tinh chế (đã dừng hoạt động); và
- Nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, mía đường, trái cây, thu hoạch chế biến và bán mủ cao su, gỗ cao su, đường, cọ dầu, các loại cây trồng khác và chăn nuôi bò thịt.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

	Ngàn VND							
	Bất động sản	Sản xuất	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Nông nghiệp	Năng lượng	Loại trừ	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>								
<i>Doanh thu</i>								
Từ khách hàng bên ngoài	953.866.171	665.878.781	789.007.713	87.964.779	4.214.751.824	-	-	6.711.469.268
Giữa các bộ phận	-	416.293.248	54.029.012	42.484.635	429.817.238	-	(942.624.133)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>953.866.171</b>	<b>1.082.172.029</b>	<b>843.036.725</b>	<b>130.449.414</b>	<b>4.644.569.062</b>	<b>-</b>	<b>(942.624.133)</b>	<b>6.711.469.268</b>
Kết quả của bộ phận	191.678.647	166.450.008	327.400.554	(97.636.061)	149.821.146	-	-	737.714.294
Chi phí không phân bổ								(1.952.649.843)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính								(1.214.935.549)
Thu nhập tài chính								957.631.502
Chi phí tài chính								(1.734.602.467)
Phần lỗ trong công ty liên kết								11.710.281
Lỗ trước thuế								(1.980.196.233)
Thuế TNDN hiện hành								(10.311.463)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại								(192.158.364)
<b>Lỗ sau thuế trong năm</b>								<b>(2.182.666.060)</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>								
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>								
Tài sản của bộ phận	9.068.581.022	5.232.962.907	388.182.296	92.703.352	28.805.213.026	3.402.022.433	-	46.989.665.036
Tiền của Tập đoàn								794.326.175
Đầu tư vào công ty liên kết								865.766.030
Tài sản không phân bổ								3.475.954.789
<b>Tổng tài sản</b>								<b>52.125.712.030</b>
Nợ phải trả của bộ phận	(5.798.123.703)	(7.606.733.577)	(363.576.683)	(952.269.847)	(21.936.000.629)	(3.152.795.747)	-	(39.809.500.186)
Nợ phải trả không phân bổ								3.629.462.645
<b>Tổng nợ phải trả</b>								<b>(36.180.037.541)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

	Ngàn VND							
	Bất động sản	Sản xuất	Thương mại và dịch vụ	Xây dựng	Nông nghiệp	Năng lượng	Loại trừ	Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>								
<i>Doanh thu</i>								
Từ khách hàng bên ngoài	782.795.151	464.954.062	606.673.377	80.381.541	2.906.420.943	-	-	4.841.225.074
Giữa các bộ phận	-	347.049.601	66.190.098	8.072.330	616.520.622	-	(1.037.832.651)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>782.795.151</b>	<b>812.003.663</b>	<b>672.863.475</b>	<b>88.453.871</b>	<b>3.522.941.565</b>	<b>-</b>	<b>(1.037.832.651)</b>	<b>4.841.225.074</b>
Kết quả của bộ phận	341.345.337	257.259.508	161.539.394	22.475.012	948.922.826	-	-	1.731.542.077
Chi phí không phân bổ								(1.250.947.281)
Lãi trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính								480.594.796
Thu nhập tài chính								1.665.916.448
Chi phí tài chính								(1.697.932.438)
Lãi từ công ty liên kết								(18.433.513)
Lợi nhuận trước thuế								430.145.293
Thuế TNDN hiện hành								(24.802.221)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại								(33.735.757)
<b>Lãi sau thuế TNDN trong năm</b>								<b>371.607.315</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>								
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>								
Tài sản của bộ phận	10.108.173.230	5.743.353.617	339.487.886	173.418.104	30.725.856.836	3.420.834.551	-	50.511.124.224
Tiền								141.473.491
Đầu tư vào công ty liên kết								847.332.517
Tài sản không phân bổ								1.562.197.424
<b>Tổng tài sản</b>								<b>53.062.127.656</b>
Nợ phải trả của bộ phận	(5.182.475.843)	(6.616.331.417)	(68.879.664)	(260.523.722)	(21.807.357.090)	(2.933.736.948)	-	(36.869.304.684)
Nợ phải trả không phân bổ								1.595.149.706
<b>Tổng nợ phải trả</b>								<b>(35.274.154.978)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**38.2 Bộ phận theo khu vực địa lý**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Myanmar	Khác	Ngân VND Tổng cộng
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	3.232.724.397	2.515.150.041	64.613.336	791.097.759	107.883.735	6.711.469.268
Chi phí hình thành tài sản cố định	1.615.131.773	941.132.740	363.692.108	457.265.687	-	3.377.222.308
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	15.862.889.549	16.487.184.492	8.246.170.760	6.376.451.163	49.986.162	47.022.682.126
Tiền						794.326.175
Đầu tư vào công ty liên kết						865.766.030
Tài sản không phân bổ						3.442.937.699
<b>Tổng tài sản</b>						<b>52.125.712.030</b>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.095.062.446	1.331.396.451	185.986.793	1.108.579.730	120.199.654	4.841.225.074
Chi phí hình thành tài sản cố định	236.117.052	711.056.002	320.878.133	30.068.437	7.019	1.298.126.643
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	16.833.346.285	15.622.303.647	9.765.409.189	6.301.084.842	55.124.130	48.577.268.093
Tiền						141.473.491
Đầu tư vào công ty liên kết						847.332.517
Tài sản không phân bổ						3.496.053.555
<b>Tổng tài sản</b>						<b>53.062.127.656</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**39. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

***Thanh lý Nhóm Công ty Mía đường***

Tập đoàn đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu ("Nhóm công ty Mía đường") cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn, hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty Mía đường này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 8 năm 2016 và đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trong năm, các hồ sơ pháp lý liên quan đến nghiệp vụ chuyển nhượng 100% sở hữu của Tập đoàn tại Nhóm công ty Mía đường cho bên thứ ba đã hoàn tất vào ngày 22 tháng 5 năm 2017. Theo đó, Ban Giám đốc Tập đoàn đã xem xét lại và kết luận rằng Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát Nhóm công ty Mía đường kể từ ngày này và đã quyết định điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 các ảnh hưởng của nghiệp vụ này do việc hợp nhất lại báo cáo tài chính của Nhóm công ty Mía đường cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vào báo cáo tài chính cùng kỳ của Tập đoàn.

Sau thời điểm nhận bàn giao các chức vụ quản lý cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan từ ngày 31 tháng 8 năm 2016, Ban Giám đốc của Nhóm công ty Mía đường đã tiến hành kiểm kê, đánh giá tài sản để phù hợp với cách thức sản xuất kinh doanh mới. Theo đó, một số tài sản đã được ghi giảm giá trị hoặc xóa sổ theo quy định.

***Ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản dài hạn***

Trong năm, Ban Giám đốc Tập đoàn đã tiến hành điều chỉnh hồi tố do việc thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận Doanh thu đối với một số hợp đồng thuê tài sản dài hạn tại Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar, từ việc ghi nhận phân bổ đều trong suốt thời gian thuê (trong các năm trước) sang việc ghi nhận doanh thu theo toàn bộ giá trị hợp đồng thuê, phù hợp theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, việc hồi tố này dẫn đến việc ghi nhận tăng doanh thu trị giá 263.508.149 ngàn VND, tăng giá vốn trị giá 184.660.970 ngàn VND, tăng thuế TNDN hoãn lại phải trả 17.740.615 ngàn VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm 2016, và tương ứng tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn trị giá 61.106.564 ngàn VND, và một số khoản mục liên quan khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngoài ra, một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**39. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG** (tiếp theo)

Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh và phân loại trên như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày trước đây)	Điều chỉnh và phân loại lại	Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>			
<b>A Tài sản ngắn hạn</b>	<b>9.394.220.363</b>	<b>(224.530.590)</b>	<b>9.169.689.773</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>791.208.293</b>	<b>3.117.882</b>	<b>794.326.175</b>
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6.768.206.227</b>	<b>(56.852.541)</b>	<b>6.711.353.686</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.772.653.862	(1.180.432)	1.771.473.430
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.316.838.516	(8.510.142)	1.308.328.374
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.034.357.256	(16.528.881)	2.017.828.375
Phải thu ngắn hạn khác	1.672.681.113	(29.834.784)	1.642.846.329
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(28.324.520)	(798.302)	(29.122.822)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>1.789.466.577</b>	<b>(176.355.025)</b>	<b>1.613.111.552</b>
Hàng tồn kho	1.822.154.682	(23.918.187)	1.798.236.495
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.688.105)	(152.436.838)	(185.124.943)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>45.339.266</b>	<b>5.559.094</b>	<b>50.898.360</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	7.961.305	5.041.183	13.002.488
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	26.318.790	517.911	26.836.701

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**39. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày trước đây)	Điều chỉnh và phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)
			Ngàn VND
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)</b>			
<b>B Tài sản dài hạn</b>	<b>43.369.249.238</b>	<b>(413.226.981)</b>	<b>42.956.022.257</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>6.350.659.266</b>	<b>32.971.989</b>	<b>6.383.631.255</b>
Phải thu dài hạn khác	633.288.523	32.971.989	666.260.512
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>10.017.094.697</b>	<b>(259.438.936)</b>	<b>9.757.655.761</b>
Tài sản cố định hữu hình	8.664.993.197	(223.766.943)	8.441.226.254
- Nguyên giá	10.076.814.951	(193.374.161)	9.883.440.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.411.821.754)	(30.392.782)	(1.442.214.536)
Tài sản cố định vô hình	1.352.101.500	(35.671.993)	1.316.429.507
- Nguyên giá	1.429.539.847	(36.581.445)	1.392.958.402
- Giá trị hao mòn lũy kế	(77.438.347)	909.452	(76.528.895)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>3.510.539.222</b>	<b>(121.749.573)</b>	<b>3.388.789.649</b>
- Nguyên giá	3.567.861.308	(123.110.213)	3.444.751.095
- Giá trị hao mòn lũy kế	(57.322.086)	1.360.640	(55.961.446)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>17.983.864.412</b>	<b>9.874.415</b>	<b>17.993.738.827</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.983.864.412	9.874.415	17.993.738.827
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>4.629.203.708</b>	<b>(74.884.876)</b>	<b>4.554.318.832</b>
Chi phí trả trước dài hạn	1.497.175.881	(74.884.876)	1.422.291.005
<b>Tổng tài sản</b>	<b>52.763.469.601</b>	<b>(637.757.571)</b>	<b>52.125.712.030</b>
<b>A Nợ phải trả</b>	<b>36.113.695.179</b>	<b>66.342.362</b>	<b>36.180.037.541</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>12.676.074.032</b>	<b>462.707.762</b>	<b>13.138.781.794</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	1.319.409.776	101.260.184	1.420.669.960
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.546.000.509	(205.192.861)	3.340.807.648
Thuế và các khoản phải nộp			
Nhà nước	195.748.396	(96.973)	195.651.423
Phải trả người lao động	74.235.298	(1.640.193)	72.595.105
Chi phí phải trả ngắn hạn	846.456.575	299.727.003	1.146.183.578
Phải trả ngắn hạn khác	1.485.617.649	(251.025.535)	1.234.592.114
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.197.619.996	519.676.137	5.717.296.133
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>23.437.621.147</b>	<b>(396.365.400)</b>	<b>23.041.255.747</b>
Phải trả dài hạn khác	1.424.575.759	(412.634.930)	1.011.940.829
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21.444.223.545	175.222.722	21.619.446.267
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	287.204.877	105.970.840	393.175.717
Dự phòng phải trả dài hạn	277.394.425	(264.924.032)	12.470.393
<b>B Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16.649.774.422</b>	<b>(704.099.933)</b>	<b>15.945.674.489</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16.649.774.422</b>	<b>(704.099.933)</b>	<b>15.945.674.489</b>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	650.139.359	(24.220.551)	625.918.808
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.391.155.127	(438.454.936)	952.700.191
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.527.805.613	(5.160.244)	2.522.645.369
- Lỗ lũy kế của năm nay	(1.136.650.486)	(433.294.692)	(1.569.945.178)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	2.890.513.019	(241.424.446)	2.649.088.573
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.441.028.981	271.690.000	6.712.718.981
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.439.779.268	271.690.000	6.711.469.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**39. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)**

	Ngàn VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày trước đây)	Điều chỉnh và phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)</b>			
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(5.430.638.742)	(543.116.232)	(5.973.754.974)
Lợi nhuận gộp về hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.009.140.526	(271.426.232)	737.714.294
Doanh thu hoạt động tài chính	947.916.097	9.715.405	957.631.502
Chi phí hoạt động tài chính	(1.674.519.826)	(60.082.641)	(1.734.602.467)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	(1.579.381.993)	(49.019.695)	(1.628.401.688)
Chi phí bán hàng	(169.154.415)	(551.813)	(169.706.228)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(501.564.190)	(9.706.470)	(511.270.660)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(376.471.527)	(332.051.751)	(708.523.278)
Thu nhập khác	176.199.117	57.407	176.256.524
Chi phí khác	(1.206.015.281)	(241.914.198)	(1.447.929.479)
Lỗ khác	(1.029.816.164)	(241.856.791)	(1.271.672.955)
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(1.406.287.691)	(573.908.542)	(1.980.196.233)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(86.187.524)	(105.970.840)	(192.158.364)
Lỗ sau thuế TNDN	(1.502.786.678)	(679.879.382)	(2.182.666.060)
- Cổ đông thiểu số	(366.136.192)	(246.584.690)	(612.720.882)
- Cổ đông công ty mẹ	(1.136.650.486)	(433.294.692)	(1.569.945.178)
Lỗ cơ bản và lỗ suy giảm trên cổ phiếu			
- Lỗ cơ bản (VND)	(1.439)	(549)	(1.988)
- Lỗ suy giảm (VND)	(1.439)	(549)	(1.988)
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>			
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lỗ kế toán trước thuế	(1.406.287.691)	(573.908.542)	(1.980.196.233)
Khấu hao tài sản cố định	774.966.464	30.761.890	805.728.354
Các khoản dự phòng	45.528.933	159.536.601	205.065.534
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ	33.309.004	(6.203.999)	27.105.005
Lỗ từ hoạt động đầu tư	(767.018.139)	(78.848.367)	(845.866.506)
Chi phí lãi vay	1.579.381.993	49.019.695	1.628.401.688
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	259.880.564	(419.642.722)	(159.762.158)
Giảm các khoản phải thu	1.119.197.170	(655.814.993)	463.382.177
Tăng hàng tồn kho	1.293.921.678	60.546.736	1.354.468.414
Tăng các khoản phải trả	1.067.210.872	148.858.193	1.216.069.065
Tăng chi phí trả trước	(120.577.118)	69.843.693	(50.733.425)
Tiền lãi vay đã trả	(1.417.691.509)	(28.711.891)	(1.446.403.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.176.460.345	(824.920.984)	1.351.539.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**39. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày trước đây)	Điều chỉnh và phân loại lại	Ngân VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)</b>			
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(3.895.058.904)	170.177.268	(3.724.881.636)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.711.964.916	(539.165)	1.711.425.751
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	(3.351.481.274)	16.528.881	(3.334.952.393)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(3.361.757.153)	186.166.984	(3.175.590.169)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	4.868.173.006	666.092.433	5.534.265.439
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	913.476.300	666.092.433	1.579.568.733
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(271.820.508)	27.338.433	(244.482.075)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	95.062.106	(24.220.551)	70.841.555
Tiền cuối năm	791.208.293	3.117.882	794.326.175

**40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

**Thành lập công ty mới/ thanh lý công ty**

Vào ngày 26 tháng 1 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Sài Gòn ("TDSG") với tỷ lệ sở hữu đăng ký 99% và vốn điều lệ đăng ký của TDSG là 50 tỷ VND.

Vào ngày 31 tháng 1 năm 2018, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo, trước đó là công ty con, cho Bà Nguyễn Thị Minh Hiền. Theo đó, Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo không còn là công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này.

Tiếp theo, vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, Công ty con trong Tập đoàn, đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tương ứng với 23,46 % tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, hiện là công ty liên kết trong Tập đoàn, cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo. Theo đó, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai không còn là công ty liên kết trong Tập đoàn kể từ ngày này.

**Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai phát hành thêm cổ phần**

Vào ngày 9 tháng 3 năm 2018, HNG, công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn thành việc phát hành 119.700.000 cổ phiếu phổ thông để hoán đổi nợ cho các cổ đông không kiểm soát với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản Trị liên quan. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của HNG tăng từ 7.671.438.950 ngàn VND lên 8.868.438.950 ngàn VND. Vào ngày lập báo cáo này, HNG đã nhận được GCNĐKDN thay đổi lần thứ 16 từ Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai về việc tăng vốn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**40. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM (tiếp theo)**

***Mua Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai và công ty con – Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng***

Ngày 17 tháng 3 năm 2018, Tập đoàn đã tiến hành việc nhận chuyển nhượng 98% vốn góp trong Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai ("HTLGL") từ các cổ đông hiện hữu của công ty này với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.477.146.000 ngàn VND. Theo đó, HTLGL đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này.

HTLGL là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5901046432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 12 tháng 10 năm 2016. Hoạt động kinh doanh chính của HTLGL trong năm hiện tại là trồng trọt và kinh doanh cây các loại cây ăn trái.

Vào ngày mua, HTLGL đang nắm giữ 100% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("DT"), một công ty hoạt động ở Lào, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Lào theo Giấy Chứng nhận vĩnh viễn số 026-16/TT.CPS cấp ngày 19 tháng 12 năm 2016. Hoạt động kinh doanh chính của DT trong năm hiện tại là trồng và chăm sóc 1.625 ha vườn cây ăn trái tại Tỉnh ChampaSak, Lào.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Dương Hoàng Bắc  
Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018